

Số: ~~8070~~BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày ~~29~~ tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị Quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2023

(Tài liệu phục vụ Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2023)



Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ chương trình Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp và xin báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2023 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Nhìn chung, trong Quý III/2023, các bộ, ngành và địa phương đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, các nghị quyết chuyên đề của Chính phủ.

Về tiến độ thực hiện, các nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành đến hết quý III cơ bản đáp ứng đúng tiến độ, trong đó đã hoàn thành 61% nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP (trong 82 nhiệm vụ được giao hoàn thành đến hết quý III năm 2023: có 50 nhiệm vụ hoàn thành, 07 nhiệm vụ gia hạn thời gian báo cáo, 25 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện). Một số bộ, ngành, địa phương đã chủ động thực hiện sớm các nhiệm vụ của các quý sau, đồng thời chủ động đề xuất, báo cáo Chính phủ kịp thời điều chỉnh một số nhiệm vụ, phù hợp với thực tiễn triển khai; một số nhiệm vụ tiến độ còn chậm.

(Chi tiết tình hình thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ tại Phụ lục số I kèm theo)

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2023

Tình hình thế giới tháng 9 và 09 tháng tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, phục hồi kinh tế chậm, tăng trưởng kinh tế thấp, nhu cầu tiêu dùng giảm, nợ công tăng cao... trong đó có các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta; nhiều quốc gia vẫn duy trì thắt chặt chính sách tiền tệ¹; thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng, bất động sản chưa thực sự ổn định; giá dầu tăng cao cùng với thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng tác động mạnh

¹ FED dự báo tiếp tục tăng lãi suất và kéo dài thắt chặt chính sách tiền tệ; Ngân hàng trung ương ECB tăng lãi suất thêm 0,25 điểm %, đưa mức lãi suất lên 4%.

mẽ đến chuỗi cung ứng hàng hóa, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu, ảnh hưởng nặng nề hơn đến mọi mặt đời sống, kinh tế. Những vấn đề này đã và đang đặt ra ngày càng nhiều thách thức, rủi ro cho các quốc gia đang phát triển, cả trong ngắn hạn, trung và dài hạn để đạt được các mục tiêu phát triển đã đề ra.

Trong nước, nền kinh tế tiếp tục xu hướng phục hồi, đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực. Tuy nhiên, việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH đề ra ngày càng khó khăn hơn, nhất là trước "tác động kép" từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và hạn chế, thách thức bên trong. Những khó khăn, thách thức lớn hiện nay cơ bản đã được xác định, nhiệm vụ quan trọng đặt ra là các cấp, ngành, địa phương phải tập trung triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy các động lực tăng trưởng trong những tháng cuối năm, đồng thời đẩy mạnh các giải pháp trong trung và dài hạn, nhằm nâng cao năng lực nội tại, khả năng chống chịu của nền kinh tế, chủ động thích nghi và ứng phó với biến động mới; tranh thủ mọi nguồn lực, cơ hội để phục hồi và tăng trưởng nhanh hơn, tạo động lực mới cho phát triển bền vững.

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, thực chất, hiệu quả các Luật, Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội; chuẩn bị các nội dung phục vụ Hội nghị Trung ương 8, Kỳ họp thứ 6 của Quốc hội; điều hành chủ động, linh hoạt, thích ứng, tranh thủ tối đa thời cơ, cơ hội, nguồn lực cả trong và ngoài nước để thúc đẩy tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế; thực hiện 03 đột phá chiến lược, các giải pháp trong trung và dài hạn; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, an sinh; làm tốt công tác phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường; giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh ngoại giao, nhất là ngoại giao cấp cao, ngoại giao kinh tế...

Tính chung 09 tháng, Chính phủ đã ban hành 67 Nghị định, 175 Nghị quyết; Thủ tướng Chính phủ ban hành 25 Quyết định quy phạm pháp luật, 1.189 Quyết định cá biệt, 24 Chỉ thị. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tổ chức 26 Tổ công tác của Thành viên Chính phủ trực tiếp làm việc với địa phương; phát huy hiệu quả 05 Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân; ban hành các Nghị quyết số 58/NQ-CP, số 105/NQ-CP... để chỉ đạo đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh; giảm mặt bằng lãi suất huy động và cho vay; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất...; quyết liệt xử lý kiến nghị của doanh nghiệp, tháo gỡ các quy định chưa phù hợp với thực tiễn; giải quyết các vấn đề tồn đọng, vướng mắc kéo dài của doanh nghiệp, ngân hàng, dự án đầu tư; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, hoạt động đấu thầu, mua sắm thuốc, vật tư y tế, phòng cháy, chữa cháy...; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; tổ chức các Hội nghị điều phối vùng, thúc đẩy liên kết vùng, tăng cường xúc tiến, thu hút đầu tư...

Trong tháng 9, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 780/CD-TTg, tiếp tục chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia; bảo đảm cung ứng điện, xăng dầu; Công điện số 796/CD-TTg chỉ đạo khắc phục hậu quả vụ cháy nhà dân ở Hà Nội, số 825/CD-TTg để thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy; Công điện số 797/CD-TTg chỉ đạo khắc phục hậu quả lũ quét tại Lào Cai và ứng phó mưa lũ ở miền núi, trung du Bắc Bộ...

2. Về tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2023 ước tính tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023² nhưng với xu hướng tích cực (quý I tăng 3,28%, quý II tăng 4,05%, quý III tăng 5,33%). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,72%, đóng góp 8,03% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,19%, đóng góp 38,63%; khu vực dịch vụ tăng 6,24%, đóng góp 53,34%. Về sử dụng GDP quý III/2023, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,79% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 40,56% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 6,61%, đóng góp 44,92%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 2,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 1,42%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 14,52%.

GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023³. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,43%, đóng góp 9,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,41%, đóng góp 22,27%; khu vực dịch vụ tăng 6,32%, đóng góp 68,57%. Trong đó:

- *Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản* tăng 3,43% so với cùng kỳ năm trước; năng suất lúa đông xuân và hệ thu đạt khá, sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm trước, chăn nuôi phát triển ổn định, nuôi trồng thủy sản đạt kết quả khả quan. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp 9 tháng năm 2023 tăng 3,42% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,13% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,56%, đóng góp 0,09 điểm phần trăm.

- *Khu vực công nghiệp và xây dựng*, ngành công nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh tổng cầu thế giới suy giảm. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2023 chỉ tăng 1,65% so với cùng kỳ năm trước,

² Tốc độ tăng/giảm GDP quý III so với cùng kỳ năm trước các năm 2011-2023 lần lượt là: 6,37%; 5,5%; 5,71%; 6,59%; 7,16%; 6,91%; 7,54%; 7,2%; 7,62%; 3%; -6,03%; 13,71%; 5,33%.

³ Tốc độ tăng GDP 9 tháng các năm 2011-2023 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 6,2%; 5,34%; 5,26%; 6,11%; 6,85%; 6,4%; 6,49%; 7,35%; 7,3%; 2,19%; 1,57%; 8,85%; 4,24%.

là mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2023⁴, đóng góp 0,56 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,98%, là mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2023⁵, đóng góp 0,51 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 6,17%, đóng góp 0,42 điểm phần trăm.

- *Khu vực dịch vụ* duy trì đà tăng trưởng cao, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ 9 tháng năm 2023 tăng 6,32% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 1,87% và mức giảm 0,05% của cùng kỳ các năm 2020 và năm 2021⁶. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,04% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 8,66%, đóng góp 0,53 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,91%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 13,17%, đóng góp 0,33 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,51%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,16%; khu vực dịch vụ chiếm 42,72%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,61% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2022 là 11,47%; 38,49%; 41,29%; 8,75%).

Về sử dụng GDP 9 tháng năm 2023, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,03% so với cùng kỳ năm 2022, đóng góp 34,30% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 3,22%, đóng góp 19,35%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 5,79%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 8,19%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 46,35%.

3. Về giá cả, lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 1,08% so với tháng trước, tăng 3,12% so với tháng 12/2022 và tăng 3,66% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do một số địa phương thực hiện tăng học phí theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP⁷, giá gạo, xăng dầu, gas trong nước tăng theo giá thế giới, giá thuê nhà ở tăng. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng và 01 nhóm hàng có chỉ số giá giảm.

⁴ Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp 9 tháng các năm 2011-2023 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 8,79%; 7,92%; 4,62%; 5,51%; 8,93%; 7,07%; 6,92%; 8,9%; 8,64%; 2,3%; 3,65%; 9,27%; 1,65%.

⁵ Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng các năm 2011-2023 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 12,06%; 8,1%; 5,91%; 6,21%; 8,78%; 10,49%; 10,76%; 11,51%; 9,91%; 3,2%; 5,02%; 10,20%; 1,98%.

⁶ Tốc độ tăng giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ 9 tháng các năm 2011-2023 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 7,43%; 6,8%; 6,59%; 7,21%; 6,97%; 7,29%; 6,97%; 7,25%; 7,52%; 1,87%; -0,05%; 10,73%; 6,32%.

⁷ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 15/10/2021.

Mười nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm: Nhóm giáo dục tăng cao nhất với mức tăng 8,06%, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 8,99%⁸; Nhóm giao thông tăng 1,21%⁹; Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,12%¹⁰; Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,73%¹¹; Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,19%; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,17%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,12%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,11%; Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,07%; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,06%. Ngược lại, nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,23% do giá điện thoại cố định và di động giảm.

CPI bình quân quý III/2023 tăng 2,89% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,99%; giáo dục tăng 5,95%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,9%; đồ uống và thuốc lá tăng 3,05%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,59%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,03%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,86%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,47%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,58%. Có 2 nhóm có chỉ số giá giảm so với cùng kỳ năm trước là bưu chính viễn thông giảm 1,12%; giao thông giảm 2,28%.

CPI bình quân 9 tháng năm 2023 tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Chỉ số giá nhóm vé máy bay bình quân 9 tháng năm 2023 tăng 71,56% so với cùng kỳ năm trước¹²; (ii) Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 7,28%¹³; (iii) Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,73%¹⁴; (iv) Chỉ

⁸ Một số địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 9/2023 so với tháng trước tăng cao: Thái Bình tăng 48,81%; Quảng Ninh tăng 39,15%; Hà Nội tăng 37,59%; Hòa Bình tăng 32,15%; Lâm Đồng tăng 30,21%; Trà Vinh tăng 19,43%; Quảng Bình tăng 18,67%. Do một số địa phương thực hiện tăng học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Một số trường đại học công lập, dân lập, tư thục cũng tăng học phí năm học 2023-2024 để đảm bảo thu chi thường xuyên. Bên cạnh đó, giá văn phòng phẩm tháng 9/2023 tăng 1,26% so với tháng trước, trong đó giá sách giáo khoa tăng 2,24%; giá vở, giấy viết các loại tăng 0,72%; giá bút viết các loại tăng 0,54%; giá văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,35%.

⁹ Tác động CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm. Do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước vào ngày 05/9/2023, 11/9/2023 và 21/9/2023 làm cho giá xăng tăng 3,54%; giá dầu diesel tăng 5,96%; phí học bằng lái xe tăng 1,81%; giá dịch vụ trông giữ xe tăng 1,57%; giá bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,63%. Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ giao thông công cộng giảm 3,56%; giá nhóm phương tiện đi lại giảm 0,06%.

¹⁰ Tác động CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm. Chủ yếu do từ ngày 01/9/2023, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 33.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 90 USD/tấn (từ mức 465 USD/tấn lên mức 555 USD/tấn) làm cho giá gas tăng mạnh 8,37%; giá nhà ở thuê tăng 0,61%; giá nước sinh hoạt tăng 2,83%, giá điện sinh hoạt tăng 0,34% do nhu cầu tiêu thụ tăng; giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,33%; giá dầu hỏa tăng 8,09% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá ngày 05/9/2023, 11/9/2023 và 21/9/2023. Ở chiều ngược lại, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,06% so với tháng trước do giá thép giảm khi nhu cầu tiêu thụ chậm, cùng với đó giá thép sản xuất trong nước chịu áp lực cạnh tranh với giá thép nhập khẩu từ Trung Quốc.

¹¹ Lương thực tăng 3,19% (tác động CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm) do giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu nhập khẩu gạo của các thị trường tiêu thụ lớn như Phi-lip-pin, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và châu Phi tăng trong khi Ấn Độ, Nga, UAE thực hiện cấm xuất khẩu gạo để bình ổn giá trong nước; thực phẩm tăng 0,38% (tác động tăng 0,08 điểm phần trăm); ăn uống ngoài gia đình tăng 0,54% (tác động tăng 0,04 điểm phần trăm).

¹² Do giá nhiên liệu bay ở mức cao, tỷ giá, lãi suất đều tăng khiến chi phí của các hãng tăng, cùng với đó nhu cầu đi lại tăng cao, đặc biệt trong dịp Lễ, Tết, nghỉ hè đã tác động đến giá vận tải hàng không; giá vé tàu hỏa tăng 31,26%; giá vé ô tô khách tăng 8,33%.

¹³ Do một số địa phương tăng học phí năm học 2023-2024 theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

¹⁴ Do giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, cùng với đó giá thuê nhà ở tăng cao.

số giá nhóm lương thực tăng 4,85%¹⁵; (v) Chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 4,23%; (vi) Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,48%; (vii) Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,2%.

Lạm phát cơ bản tháng 9/2023 tăng 0,26% so với tháng trước, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,49% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,16%). Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước 9 tháng năm 2023 giảm 15,26% so với cùng kỳ năm trước, giá dầu hỏa giảm 11,26%, giá gas giảm 10,21% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quý III/2023 tăng 1,23% so với quý II/2023 và tăng 2,12% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 2,57% và tăng 3,21%; lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 0,1% và giảm 0,72%; thủy sản khai thác, nuôi trồng giảm 2,78% và giảm 0,95%. Tính chung 9 tháng năm 2023, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,26% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 3,26%; lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 2,27%; thủy sản khai thác, nuôi trồng tăng 3,31%.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý III/2023 giảm 0,35% so với quý trước và giảm 2,49% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp giảm 0,99% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng giảm 11,72%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,45%; điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,22%; nước tự nhiên khai thác, dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,66%.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý III/2023 tăng 2,83% so với quý trước và tăng 8,25% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 7,34% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 19,34%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 5,97%; giáo dục và đào tạo tăng 5,43%; thông tin và truyền thông tăng 2,8%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 2,11%.

Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý III/2023 giảm 0,15% so với quý trước và giảm 2,58% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng

¹⁵ Trong đó, giá gạo tăng 3,9% theo giá gạo xuất khẩu, tác động làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm. Chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 2,83%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong các dịp Lễ, Tết, tác động làm CPI chung tăng 0,6 điểm phần trăm.

1,19% và giảm 2,14%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,14% và giảm 2,62%; dùng cho xây dựng giảm 0,7% và giảm 1,6%.

Tính chung 9 tháng năm 2023, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất giảm 0,88% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,44%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,95%; dùng cho xây dựng tăng 0,81%.

4. Thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán

Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chắc chắn, linh hoạt, chủ động, kịp thời, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế, thích ứng kịp thời với diễn biến thị trường trong và ngoài nước, duy trì ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Trong đó:

- *Điều hành nghiệp vụ thị trường mở* linh hoạt nhằm hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng (TCTD), tạo điều kiện giảm mặt bằng lãi suất. Trên cơ sở theo dõi sát diễn biến thị trường tiền tệ, ngoại hối, tiếp tục duy trì chào mua có kỳ hạn giấy tờ có giá trên nghiệp vụ thị trường mở hàng ngày để phát tín hiệu sẵn sàng hỗ trợ vốn cho các TCTD, ổn định thị trường tiền tệ; lãi suất chào mua giấy tờ có giá giảm đồng bộ với các mức lãi suất điều hành khác của Ngân hàng Nhà nước¹⁶. Thanh khoản của các TCTD được đảm bảo, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng hoạt động thông suốt, lãi suất liên ngân hàng VND bình quân giảm mạnh.

- *Điều hành tín dụng*: Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Khuyến khích các TCTD tập trung nguồn vốn cho các phân khúc nhà ở thương mại giá rẻ, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; đồng thời, kiểm soát rủi ro tín dụng đối với lĩnh vực kinh doanh bất động sản nhằm thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, bền vững. Đến ngày 21/9/2023, tín dụng đối với nền kinh tế đạt 5,91% (cùng kỳ tăng 10,83%). Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm thấp hơn so với kịch bản đề ra, các nguồn vốn trong nền kinh tế gặp khó khăn, điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 cho các TCTD với mức giao toàn hệ thống khoảng 14%.

Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm tạo điều kiện cho khách hàng được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, kéo dài thời gian trả nợ mà không bị chuyển nhóm nợ xấu, được tiếp cận các khoản vay mới phục vụ sản xuất kinh doanh, tiêu dùng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Đến cuối tháng 7/2023, lũy kế tổng

¹⁶ Từ mức 6,0%/năm xuống mức 4,0%/năm trong 4 lần điều chỉnh.

giá trị nợ (gốc và lãi) được cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ khoảng 96.000 tỷ đồng với gần 97.000 lượt khách hàng.

Tích cực triển khai: (i) gói tín dụng 120.000 tỷ đồng từ nguồn vốn của các NHTM với lãi suất cho vay thấp hơn từ 1,5%-2% lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng trên thị trường theo đúng chỉ đạo của Chính phủ đối với chủ đầu tư, người mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ¹⁷; (ii) gói tín dụng 15.000 tỷ đồng cho lĩnh vực lâm sản, thủy sản với lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam thấp hơn tối thiểu từ 1%-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn của chính ngân hàng cho vay¹⁸.

- *Điều hành lãi suất*: Điều chỉnh giảm liên tục 04 lần các mức lãi suất với mức giảm 0,5-2,0%/năm,¹⁹ trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao để tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân. Việc liên tục điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành là giải pháp linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường hiện nay để hỗ trợ quá trình phục hồi tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Quốc hội và Chính phủ, qua đó tiếp tục định hướng giảm mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường, tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp và người dân, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Đến nay, mặt bằng lãi suất đã có xu hướng giảm (lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND của các NHTM giảm khoảng hơn 1,0%/năm so với cuối năm 2022)²⁰. Với tác động có độ trễ của chính sách sau những lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, dự kiến mặt bằng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới.

- *Điều hành tỷ giá*: Tiếp tục theo dõi sát tình hình thị trường để điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước, can thiệp linh hoạt nhằm ổn định thị trường ngoại tệ. Trong hơn 8 tháng đầu năm 2023, thị trường ngoại tệ và tỷ giá diễn biến tương đối ổn định, thanh khoản ngoại tệ thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ. NHNN tiếp tục mua

¹⁷ BIDV đã ký hợp đồng tín dụng tài trợ 01 dự án nhà ở xã hội tại tỉnh Phú Thọ với số tiền cấp tín dụng khoảng 95 tỷ đồng, đến nay đã giải ngân 23,7 tỷ đồng. Agribank đã ký hợp đồng tín dụng đối với 02 dự án tại tỉnh Quảng Ninh và Bắc Ninh, đã giải ngân 59 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các NHTM đang tiếp cận khoảng 18 dự án.

¹⁸ Đến nay, doanh số giải ngân đạt gần 5.500 tỷ đồng (bằng 37% tổng số tiền cam kết cho vay theo chương trình) với 2.000 lượt khách hàng vay vốn. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai chương trình tín dụng tiêu dùng 5.000 tỷ đồng của Agribank cho khách hàng, giải ngân ngay trong ngày với số tiền cho vay tối đa 30 triệu đồng, không cần tài sản thế chấp; gói tài chính tiêu dùng lên tới 20.000 tỷ đồng của Công ty Tài chính TNHH HD Saison và Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC cho công nhân vay với lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay của hai công ty; Tích cực hợp tác với các tổ chức quốc tế triển khai các chương trình cho vay với lãi suất thấp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa...

¹⁹ Cụ thể: (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,5%/năm xuống 3%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm; (ii) Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND kỳ hạn dưới 6 tháng, tiền gửi KKH và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1%/năm xuống 0,5%/năm, tiền gửi kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ 6%/năm xuống 4,75%/năm; (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên giảm từ 5,5%/năm xuống 4%/năm.

²⁰ Đến ngày 1/9/2023, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới của các NHTM ở mức 4,8%/năm và 8,4%/năm.

được USD từ các TCTD để bổ sung dự trữ ngoại hối nhà nước. Tuy nhiên, từ khoảng giữa tháng 6/2023 đến nay, tỷ giá USD/VND chịu áp lực nhất định và có xu hướng tăng nhẹ do đồng USD trên thị trường quốc tế tăng trở lại, Fed tiếp tục có xu hướng tăng lãi suất điều hành và giữ lãi suất ở mức cao, trong khi đó lãi suất VND giảm và duy trì ở mức thấp so với lãi suất USD trên thị trường liên ngân hàng, gây áp lực lên tỷ giá.

- *Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu*: Công tác thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chú trọng và tăng cường nhằm kịp thời phát hiện, cảnh báo các rủi ro, sai phạm trong hoạt động của TCTD, góp phần bảo đảm an ninh, kỷ luật trên thị trường tiền tệ, ngân hàng. Các NHTM nhà nước²¹ tiếp tục đóng vai trò chi phối trong hệ thống các TCTD cả về quy mô vốn, tài sản, huy động vốn và tín dụng. Các NHTM cổ phần²² đều đang tập trung củng cố, chấn chỉnh toàn diện trên các mặt tài chính, quản trị và hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, năng lực cạnh tranh. Nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD có xu hướng tăng nhanh từ năm 2022 và tiếp tục tăng nhanh trong các tháng đầu năm 2023. Đến cuối tháng 7/2023, tỷ lệ nợ xấu nội bảng là 3,56%²³. Trong 7 tháng đầu năm 2023, toàn hệ thống đã xử lý được khoảng 128,8 nghìn tỷ đồng nợ xấu.

Về nợ xấu của hệ thống các TCTD xác định theo Nghị quyết 42, tổng nợ xấu tăng 3,42% so với cuối năm 2022. Lũy kế từ 15/8/2017 đến cuối tháng 7/2023, toàn hệ thống TCTD đã xử lý được khoảng 425,9 nghìn tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42²⁴.

- *Diễn biến thị trường vàng*: Giá vàng trong nước biến động ngược chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/9/2023, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.950,5 USD/ounce, giảm 0,29% so với tháng 8/2023. Kết thúc cuộc họp chính sách ngày 20/9/2023, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giữ nguyên lãi suất, duy trì ở mức 5,25%-5,5%, cao nhất trong 22 năm, thúc đẩy xu hướng đi lên của đồng USD và lợi suất trái phiếu, làm giảm sức hấp dẫn của vàng. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 9/2023 tăng 0,94% so với tháng trước; tăng 4,91% so với tháng 12/2022; tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2023 tăng 2,22% so với cùng kỳ năm trước.

- Về thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN): Hiện nay thị trường có 455

²¹ Đến cuối tháng 7/2023, vốn điều lệ của 04 NHTM nhà nước (Agribank, Vietcombank, VietinBank, BIDV) đạt 180,5 nghìn tỷ đồng; tổng tài sản đạt 7.426,6 nghìn tỷ đồng; huy động vốn thị trường 1 đạt 6.155 nghìn tỷ đồng; dư nợ cho vay thị trường đạt 5.5541,5 nghìn tỷ đồng.

²² Đến cuối tháng 7/2023, vốn điều lệ của các NHTM cổ phần đạt 496,3 nghìn tỷ đồng; tổng tài sản đạt 8.381,7 nghìn tỷ đồng; huy động vốn thị trường 1 đạt 5.952,8 nghìn tỷ đồng; dư nợ cho vay thị trường 1 đạt 5.539,3 nghìn tỷ đồng.

²³ Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và các khoản tiềm ẩn trở thành nợ xấu (như các khoản nợ được cơ cấu lại và giữ nguyên nhóm nợ, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp với mục đích cơ cấu lại nợ, các khoản phải thu khó đòi, lãi dự thu phải thoái...) của hệ thống các TCTD đến cuối tháng 7/2023 là 5,22%.

²⁴ Không bao gồm nợ xấu xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro.

mã trái phiếu (cả TPDN và TPCP) niêm yết; quy mô giao dịch bình quân tháng 9 đạt 6,4 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 10% so với tháng trước; bình quân 9 tháng đạt 5,8 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 24,1% so với bình quân năm 2022.

Tính đến ngày 15/9/2023, có 51 doanh nghiệp đã phát hành với khối lượng 123 nghìn tỷ đồng (giảm 60,4% so với cùng kỳ năm 2022), trong đó, doanh nghiệp bất động sản chiếm 46% (56,9 nghìn tỷ đồng); 53,7% khối lượng trái phiếu phát hành có tài sản đảm bảo; khối lượng mua lại trái phiếu trước hạn là 168,9 nghìn tỷ đồng (gấp 1,39 lần so với cùng kỳ năm 2022). Cơ cấu nhà đầu tư mua TPDN chủ yếu là tổ chức trong nước (92%), nhà đầu tư cá nhân chiếm tỷ trọng thấp (5,18%). Kể từ khi Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế có hiệu lực thi hành (từ ngày 05/3/2023), khối lượng phát hành là 122,1 nghìn tỷ đồng.

- Về thị trường chứng khoán: Tính đến ngày 28/09/2023, chỉ số VNIndex đạt 1.140,50 điểm, giảm 6,8% so với cuối tháng trước và tăng 13,25% so với cuối năm 2022; mức vốn hóa thị trường (đến ngày 15/9/2023) đạt 6.349 nghìn tỷ đồng, tăng 21,5% so với cuối năm 2022.

Trong tháng 9/2023, giá trị giao dịch bình quân đạt 26.254 tỷ đồng/phiên, tăng 2,3% so với bình quân tháng trước. Tính từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân đạt 16.940 tỷ đồng/phiên, giảm 16% so với bình quân năm 2022.

Đến cuối tháng 8/2023, thị trường cổ phiếu có 742 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết; 860 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM với tổng giá trị niêm yết và đăng ký giao dịch đạt 2.055 nghìn tỷ đồng, tăng 3,6% với cuối năm 2022.

5. Thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN)

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2023 ước đạt 1.223,8 nghìn tỷ đồng, bằng 75,5% dự toán (thu ngân sách trung ương ước đạt khoảng 77,9% dự toán; thu ngân sách địa phương ước đạt khoảng 72,6% dự toán), giảm 8,3% so cùng kỳ năm 2022; trong đó, thu nội địa ước đạt 76% dự toán, giảm 3,2%; thu từ dầu thô ước đạt 109,5% dự toán, giảm 22,5%; thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 68,5% dự toán, giảm 26,3% so cùng kỳ năm 2022.

Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2023 ước đạt 1.239,4 nghìn tỷ đồng, bằng 59,7% dự toán, tăng 14,1% so cùng kỳ năm 2022; trong đó: chi trả nợ lãi ước đạt 70,3% dự toán; chi thường xuyên ước đạt 68,4% dự toán.

Dự kiến quy mô các gói chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất đã và sẽ ban hành năm 2023 khoảng 200 nghìn tỷ đồng (miễn, giảm

79 nghìn tỷ đồng; gia hạn 121 nghìn tỷ đồng)²⁵.

Kết quả thực hiện các chính sách đã ban hành, tổng số tiền đã miễn, giảm, gia hạn ước tính đến hết tháng 9 khoảng 152,5 nghìn tỷ đồng (miễn, giảm khoảng 49,6 nghìn tỷ đồng²⁶; gia hạn khoảng 102,9 nghìn tỷ đồng²⁷).

Cân đối ngân sách trung ương và ngân sách các cấp địa phương được đảm bảo. Tính đến ngày 26/9/2023, đã thực hiện phát hành 243,4 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, kỳ hạn bình quân 12,44 năm, lãi suất bình quân 3,38%/năm.

6. Về đầu tư phát triển

- *Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý III/2023* theo giá hiện hành ước đạt 902,5 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 263,5 nghìn tỷ đồng, tăng 18,7%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 498,8 nghìn tỷ đồng, tăng 2,5%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 140,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7,8%. Ước tính 9 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 2.260,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 634,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 28,1% tổng vốn và tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.250,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,3% và tăng 2,3%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 375,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,6% và tăng 3,9%.

- *Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện 9 tháng năm 2023* ước đạt 415,5 nghìn tỷ đồng, bằng 57,4% kế hoạch năm và tăng 23,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 56% và tăng 20,3%).

²⁵ Trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về giảm 2% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng (từ 10% xuống 8%) để kích cầu tiêu dùng, áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023 (dự kiến tác động làm giảm thu NSNN trong 6 tháng cuối năm khoảng 20 nghìn tỷ đồng và tháng 01/2024 khoảng 4 nghìn tỷ đồng). Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành: (i) Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 về việc gia hạn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 (dự kiến tác động làm giảm thu NSNN trong thời gian gia hạn khoảng 110 nghìn tỷ đồng); (ii) Nghị định số 36/2023/NĐ-CP ngày 21/6/2023 gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước (dự kiến tác động làm giảm thu NSNN trong thời gian gia hạn khoảng 10,4 - 11,2 nghìn tỷ đồng); (iii) Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước (dự kiến tác động làm giảm thu NSNN 8 - 9 nghìn tỷ đồng); (iv) Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội; (v) Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (dự kiến tác động làm giảm thu NSNN năm 2023 khoảng 3.500 tỷ đồng); Ban hành Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 quy định giảm mức thu từ 10 - 50% đối với 36 khoản phí, lệ phí (áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023) nhằm cắt giảm chi phí hỗ trợ người dân và doanh nghiệp (dự kiến tác động làm giảm thu NSNN khoảng 700 tỷ đồng).

²⁶ Trong đó: (i) Giảm thuế GTGT theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 khoảng 2,96 nghìn tỷ đồng; (ii) giảm thuế BVMT theo Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 06/7/2022 khoảng 6,23 nghìn tỷ đồng; (iii) giảm thuế BVMT theo Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 khoảng 25,92 nghìn tỷ đồng; (iv) giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ khoảng 3,46 nghìn tỷ đồng; (v) giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định số 41/2023/NĐ-CP khoảng 1,77 nghìn tỷ đồng; (vi) giảm thuế GTGT theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP khoảng 9,25 nghìn tỷ đồng; (vii) giảm phí và lệ phí theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC khoảng 9,37 tỷ đồng.

²⁷ Trong đó: (i) gia hạn tiền thuế, tiền thuê đất theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 khoảng 96,88 nghìn tỷ đồng; (ii) gia hạn tiền thuế tiêu thụ đặc biệt theo Nghị định số 36/2023/NĐ-CP ngày 21/6/2023 khoảng 6,06 nghìn tỷ đồng;

Ước thanh toán đến ngày 30/9/2023²⁸ đạt **khoảng 363,31 nghìn tỷ đồng, đạt 51,38%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao²⁹, cao hơn cùng kỳ năm 2022 (46,7%), về số tuyệt đối cao hơn **110 nghìn tỷ đồng**. Có 08 bộ, cơ quan trung ương và 27 địa phương có tỷ lệ giải ngân cao, đạt **trên 55%** kế hoạch³⁰; 42 bộ, cơ quan trung ương và 26 địa phương giải ngân dưới mức trung bình của cả nước³¹.

- *Vốn đầu tư nước ngoài*: Tính đến 20/09/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà ĐTNN đạt gần 20,21 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ. Vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt khoảng 15,91 tỷ USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2022. Ngoài vốn đầu tư điều chỉnh giảm thì vốn đầu tư mới và GVMCP tiếp tục tăng hơn so với cùng kỳ. Cụ thể:

+ Vốn đăng ký cấp mới có 2.254 dự án mới được cấp phép (tăng 66,3% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký đạt hơn 10,23 tỷ USD (tăng 43,6% so với cùng kỳ).

+ Vốn đăng ký điều chỉnh có 934 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (tăng 21,5% so với cùng kỳ), tổng vốn đầu tư tăng thêm đạt gần 5,15 tỷ USD (giảm 37,3% so với cùng kỳ).

+ Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 2.539 lượt với tổng giá trị vốn góp đạt hơn 4,82 tỷ USD, giảm 5,9% về số dự án và tăng 47% về vốn so với cùng kỳ năm trước.

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 14 tỷ USD, chiếm gần 69,3% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng 15,5% so với cùng kỳ. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư gần 1,94 tỷ USD, chiếm hơn 9,6% tổng vốn đầu tư đăng ký, giảm 45% so với cùng kỳ. Các ngành tài chính ngân hàng, bán buôn, bán lẻ xếp thứ 3 và 4 với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt gần 1,54 tỷ USD (gấp gần 63,8 lần) và gần 734 triệu USD (tăng 18,7%). Còn lại là các ngành khác.

Xét về số lượng dự án mới, công nghiệp chế biến chế tạo cũng là ngành dẫn đầu về số dự án mới (chiếm 32,6%) và điều chỉnh vốn (chiếm 56,3%). Bán buôn, bán lẻ dẫn đầu về số giao dịch GVMCP (chiếm 41,4%).

Trong 9 tháng đầu năm 2023, đã có 102 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 3,98 tỷ USD,

²⁸ Theo báo cáo của Bộ Tài chính.

²⁹ Nếu tính so với số kế hoạch bao gồm cả số vốn các địa phương phân bổ vượt kế hoạch vốn cân đối NSDP được Thủ tướng Chính phủ giao thì tỷ lệ giải ngân đạt 50,68% tổng số kế hoạch đã phân bổ.

³⁰ Như: Ngân hàng phát triển Việt Nam (100%), Hội Nhà báo Việt Nam (100%); Hội nhà văn Việt Nam (81,6%); Hội Luật gia Việt Nam (69%); Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (68,1%), Long An (93,85%); Bình Dương (91,28%); Đồng Tháp (84,06%); Tiền Giang (83,49%); Bà Rịa – Vũng Tàu (81,52%); Hải Phòng (81,02%).

³¹ Trong đó: Nếu không tính khoản hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại (23.965,093 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đạt 69,65% kế hoạch, cao hơn mức trung bình của cả nước.

chiếm hơn 19,7% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, giảm 15,2% so với cùng kỳ 2022; Trung Quốc đứng thứ hai với 2,92 tỷ USD, chiếm 14,5% tổng vốn đầu tư, tăng 94,9% so với cùng kỳ. Nhật Bản đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 2,9 tỷ USD, chiếm hơn 14,3% tổng vốn đầu tư, tăng 51% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan,...

Xét về số dự án, Trung Quốc dẫn đầu về số dự án mới (chiếm 21,2%). Hàn Quốc dẫn đầu về số lượt điều chỉnh vốn (chiếm 26,7%) và GVMCP (chiếm 28,5%).

Các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 54 tỉnh, thành phố trên cả nước trong 9 tháng đầu năm 2023. Hà Nội dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 2,53 tỷ USD, chiếm gần 12,5% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng gấp 2,46 lần so với cùng kỳ năm 2022. Hải Phòng xếp thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 2,21 tỷ USD, chiếm 10,9% tổng vốn đầu tư cả nước, tăng 82,4% so với cùng kỳ. Tiếp theo lần lượt là TP. Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Bình Dương,... Nếu xét về số dự án, TP Hồ Chí Minh là địa bàn dẫn đầu cả nước cả về số dự án mới (38,2%), số lượt dự án điều chỉnh (23%) và GVMCP (66,3%).

Tính lũy kế đến ngày 20/09/2023, cả nước có 38.379 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 455,06 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 289,9 tỷ USD, bằng 63,7% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

Về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài: Trong 9 tháng đầu năm 2023, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài cấp mới và điều chỉnh đạt gần 416,8 triệu USD (tăng 4,6% so với cùng kỳ). Trong đó, có 84 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đăng ký đạt hơn 244,8 triệu USD (bằng 70,5% so với cùng kỳ); có 18 lượt dự án điều chỉnh với tổng vốn đầu tư tăng thêm hơn 171,96 triệu USD (gấp 3,38 lần so với cùng kỳ). Có 24 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam trong 9 tháng năm 2023. Dẫn đầu là Canada với 01 dự án đầu tư mới và 01 dự án điều chỉnh vốn, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt hơn 150,2 triệu USD, chiếm 36% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo lần lượt là Singapore, Lào, Cuba,...

Lũy kế đến 20/09/2023 Việt Nam đã có 1.667 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư gần 22,1 tỷ USD. Trong đó, có 141 dự án của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, với tổng vốn đầu tư ra nước ngoài gần 11,67 tỷ USD, chiếm 52,8% tổng vốn đầu tư cả nước.

7. Tình hình sản xuất kinh doanh và phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III và 9 tháng năm 2023 duy trì tăng trưởng ổn định. Sản xuất lúa vụ đông xuân và hè thu đạt kết quả khá tốt do thời tiết thuận lợi, được mùa được giá. Sản lượng một số cây lâu năm tăng so với

cùng kỳ năm trước. Chăn nuôi phát triển ổn định. Sản xuất lâm nghiệp gặp bất lợi do thời tiết chuyển hướng nhanh từ nắng nóng sang mưa lũ, sạt lở đất ảnh hưởng đến tiến độ trồng rừng mới ở nhiều địa phương. Nuôi trồng thủy sản hiệu quả nhờ tập trung nuôi thâm canh, siêu thâm canh và ứng dụng công nghệ cao.

- Về trồng trọt:

Lúa đông xuân: Vụ lúa đông xuân năm 2023 đạt kết quả khá với sản lượng đạt 20,2 triệu tấn, tăng 213,1 nghìn tấn so với vụ đông xuân năm 2022 và giá lúa tăng cao so với cùng kỳ³² do nhu cầu xuất khẩu gạo tăng; năng suất đạt 68,4 tạ/ha, tăng 2,4 tạ/ha chủ yếu do thời tiết thuận lợi, chuyển đổi cơ cấu giống lúa hợp lý và trình độ kỹ thuật canh tác ở các địa phương được nâng cao.

Lúa hè thu: Vụ lúa hè thu năm nay cả nước gieo cấy được 1.911,7 nghìn ha, giảm 2,8 nghìn ha³³ so với vụ hè thu năm trước chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng đất và nắng nóng khô hạn ở một số tỉnh miền Trung. Tính đến ngày 15/9/2023, các địa phương đã thu hoạch được 1.786,3 nghìn ha lúa hè thu, chiếm 93,4% diện tích gieo cấy và bằng 94,8% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch 1.348,9 nghìn ha, chiếm 91,5% và bằng 93,4% so với cùng kỳ. Theo báo cáo của các địa phương, vụ lúa hè thu năm nay đạt khá với năng suất ước đạt 57,6 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha so với vụ hè thu năm 2022; sản lượng đạt 11 triệu tấn, tăng 173 nghìn tấn và giá lúa hè thu đang ở mức cao so với cùng kỳ.

Lúa mùa: Tính đến trung tuần tháng Chín, diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.492,5 nghìn ha, bằng 99,2% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.005,6 nghìn ha, bằng 98,3%, các địa phương phía Nam đạt 486,9 nghìn ha, bằng 101,1%. Diện tích gieo cấy lúa mùa miền Bắc năm nay thấp hơn so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do hiệu quả kinh tế từ canh tác lúa không cao nên người dân giảm diện tích gieo trồng. Một số địa phương có diện tích gieo cấy giảm so với cùng kỳ năm trước: Thanh Hóa giảm 3 nghìn ha; Hà Nội giảm 2,4 nghìn ha; Hưng yên giảm 1,6 nghìn ha; Thái Bình giảm 1 nghìn ha, Bắc Giang giảm 1 nghìn ha. Hiện nay, tại các địa phương phía Bắc lúa đang làm đòng trổ bông, một số trà lúa sớm đang giai đoạn vào chắc và chín; các địa phương phía Nam đang tiếp tục gieo cấy.

Lúa thu đông: Đến giữa tháng Chín, vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy được 604,2 nghìn ha lúa thu đông, bằng 105% cùng kỳ năm trước. Tiến độ gieo cấy lúa thu đông năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước do các địa phương mở rộng diện tích và tập trung gieo cấy sớm cùng với đó là thời tiết, nguồn nước thuận lợi cho gieo trồng lúa. Hiện lúa thu đông sinh trưởng và phát triển khá tốt,

³² 9 tháng năm 2023, chỉ số giá thóc khô tăng 5,86% và chỉ số xuất khẩu gạo tăng 3,69% so với cùng kỳ năm trước.

³³ Trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.474,4 nghìn ha, giảm 1,7 nghìn ha.

tình hình sâu bệnh tuy có phát sinh nhưng phòng trị kịp thời nên mức độ gây hại không đáng kể.

Sản xuất rau màu: Cùng với việc gieo cấy lúa, các địa phương trên cả nước đang tiến hành gieo trồng cây hoa màu. Diện tích gieo trồng các loại cây hoa màu một số loại cây như ngô, khoai lang, đậu tương, lạc giảm so với cùng kỳ năm trước do hiệu quả kinh tế không cao nên nông dân thu hẹp sản xuất. Tính đến trung tuần tháng 9/2023, cả nước đã gieo cấy được 824 nghìn ha ngô, bằng 99% so cùng kỳ năm trước; 76,2 nghìn ha khoai lang, bằng 94,2%; 29,7 nghìn ha đậu tương, bằng 94%; 152,8 nghìn ha lạc, bằng 94,9%; 1.020,2 nghìn ha rau đậu, bằng 100,3%.

Cây lâu năm: Tổng diện tích cây lâu năm 9 tháng năm 2023 ước đạt 3.772,5 nghìn ha, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhóm cây công nghiệp đạt 2.190,2 nghìn ha, bằng cùng kỳ năm trước; nhóm cây ăn quả đạt 1.260,1 nghìn ha, tăng 1,2%. Trong quý III/2023, sản lượng một số cây lâu năm như sau: Chè búp đạt 389,5 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước; cao su đạt 459,9 nghìn tấn, tăng 2,4%; dừa đạt 529,9 nghìn tấn, tăng 11%; cam đạt 565,4 nghìn tấn, tăng 7,3%; xoài đạt 201,7 nghìn tấn, tăng 1,1%; sầu riêng đạt 353,7 nghìn tấn, tăng 20,1%; nhãn đạt 369,9 nghìn tấn, tăng 4,9%.

Sản lượng thu hoạch một số cây công nghiệp chủ yếu 9 tháng năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chè búp đạt 904,6 nghìn tấn, tăng 2,7%; cao su đạt 873,4 nghìn tấn, tăng 2,3%; dừa đạt 1.483,1 nghìn tấn, tăng 6,3%; điều đạt 358,3 nghìn tấn, tăng 5,4%. Sản lượng thu hoạch một số cây ăn quả đều tăng khá: Cam đạt 1.079,8 nghìn tấn, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước; xoài đạt 813,7 nghìn tấn, tăng 3%; sầu riêng đạt 719,3 nghìn tấn, tăng 18,9%; nhãn đạt 563,9 nghìn tấn, tăng 3,6%. Riêng thanh long đạt 885,2 nghìn tấn, giảm 3,5% do giá bán giảm, nhiều vườn cây thanh long đến tuổi già cỗi, người dân chưa trồng lại.

- Về chăn nuôi:

Tình hình chăn nuôi trâu, bò trong 9 tháng năm 2023 không có biến động lớn, đàn trâu tiếp tục xu hướng giảm do diện tích chăn thả thu hẹp, hiệu quả kinh tế không cao. Mặc dù dịch viêm da nổi cục đã được kiểm soát nhưng chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên ngành vẫn cần chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh để dịch bệnh không quay lại. Tốc độ tăng số lượng gia súc, gia cầm so với cùng thời điểm năm trước: Lợn (4,2%), gia cầm (3,5%), bò (0,6%) tăng; trong khi trâu giảm (-1,1%).

Tính đến ngày 21/9/2023, cả nước không còn dịch cúm gia cầm; dịch lở mồm long móng còn ở Đồng Tháp; dịch viêm da nổi cục còn ở Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Bến Tre và dịch tả lợn châu Phi còn ở 14 địa phương chưa qua 21 ngày.

- Về lâm nghiệp: Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước trong quý III/2023 ước đạt 72,6 nghìn ha, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước do thời tiết bất

lợi; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 23,8 triệu cây, tăng 2,1%; sản lượng gỗ khai thác đạt 5.844,2 nghìn m³, tăng 2,4%. Tính chung 9 tháng năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 197,9 nghìn ha, bằng cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 69,8 triệu cây, tăng 4%; sản lượng gỗ khai thác đạt 14,5 triệu m³, tăng 3,2%.

Diện tích rừng bị thiệt hại quý III/2023³⁴ là 425,9 ha, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước, trong đó rừng bị chặt, phá là 297,5 ha, tăng 5,7%; diện tích rừng bị cháy là 128,4 ha, gấp 317,8 lần. Tính chung 9 tháng năm 2023, cả nước có 1.594 ha rừng bị thiệt hại, tăng 79,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 922,2 ha, tăng 6,8%; diện tích rừng bị cháy là 671,8 ha, gấp 27,4 lần.

- *Về thủy sản*: Sản lượng thủy sản quý III/2023 ước đạt 2.520,2 nghìn tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 1.450,1 nghìn tấn, tăng 4%³⁵; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1.070,1 nghìn tấn, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm 2023, sản lượng thủy sản ước đạt 6.796,7 nghìn tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3.004,2 nghìn tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 3.792,5 nghìn tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng cá tra tăng so với cùng kỳ năm trước mặc dù giá cá tra nguyên liệu giảm³⁶ so với cùng kỳ do nhu cầu từ các thị trường nhập khẩu giảm. Sản lượng cá tra quý III/2023 ước đạt 448,8 nghìn tấn, tăng 2,7% so cùng kỳ; tính chung 9 tháng đạt 1.238,1 nghìn tấn, tăng 2,4%.

Sản lượng tôm nuôi trong quý III/2023 tăng so với cùng kỳ năm trước do hiệu quả từ ứng dụng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, siêu thâm canh. Sản lượng tôm sú quý III/2023 đạt 85,5 nghìn tấn, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 280,9 nghìn tấn, tăng 6,7%. Tính chung 9 tháng năm 2023, sản lượng tôm sú đạt 204,8 nghìn tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 596,1 nghìn tấn, tăng 5,9%.

b) Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý III/2023 tăng trưởng tích cực hơn quý trước, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp ước đạt 4,57% so với quý III/2022³⁷. Tính chung 9 tháng năm 2023, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp

³⁴ Số liệu từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tính đến 15/9/2023.

³⁵ Trong đó: Cá đạt 910,7 nghìn tấn, tăng 3,3%; tôm đạt 385,4 nghìn tấn, tăng 5,5%.

³⁶ Chỉ số giá sản xuất sản phẩm cá tra quý III/2023 giảm 4,56% so với quý II/2023 và giảm 5,26% so với cùng kỳ năm trước.

³⁷ Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp quý III các năm 2011-2023 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 9,28%; 8,17%; 4,85%; 6,59%; 9,29%; 7,9%; 9,93%; 9,45%; 9,38%; 2,38%; -4,2%; 11,06%; 4,57%.

tăng 1,65% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,98%.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2023 ước tính tăng 1,65% so với cùng kỳ năm trước (quý I giảm 0,75%; quý II tăng 0,95%; quý III tăng 4,57%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,98% (quý I giảm 0,49%; quý II tăng 0,6%; quý III tăng 5,61%), đóng góp 0,51 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,9%, đóng góp 0,11 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,69%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 3,01%, làm giảm 0,1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất 9 tháng năm 2023 của một số ngành trọng điểm thuộc ngành công nghiệp cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 9,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 8,7%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 7,4%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 6,2%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 5,8%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 5,4%. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm: Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 7,2%; sản xuất xe có động cơ giảm 5,2%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân loại giảm 4%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 3,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 3,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 3,4%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện giảm 3%.

Riêng ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học đã có sự phục hồi tích cực kể từ tháng 8/2023 sau 7 tháng liên tiếp sụt giảm³⁸. Trong quý III/2023, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học đã có những dấu hiệu khởi sắc khi chỉ số IIP tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước (quý I giảm 5,4%; quý II giảm 3,6%); tính chung 9 tháng năm 2023 giảm 2,2%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 49 địa phương và giảm ở 14 địa phương trên cả nước. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao³⁹. Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ

³⁸ So với cùng kỳ năm trước, chỉ số IIP ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học từ tháng 01-9/2023 lần lượt tăng/giảm là: -1,1%; -3,2%; -11,4%; -3,6%; -6,5%; -0,5%; -2,4%; 4,1% và 7,5%.

³⁹ Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng cao: Bắc Giang tăng 17,8%; Phú Thọ tăng 16,1%; Nam Định tăng 14,1%; Kiên Giang tăng 13,2%; Hải Phòng tăng 13,2%; Hà Nam tăng 13%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao: Hậu Giang tăng 165,2%; Khánh Hòa tăng 115,2%; Thái Bình tăng 80%; Trà Vinh tăng 33,7%.

số IIP tăng thấp hoặc giảm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện tăng thấp hoặc giảm⁴⁰.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực 9 tháng năm 2023 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Đường kính tăng 37,1%; phân hỗn hợp NPK tăng 18,6%; ti vi tăng 10,1%; thuốc lá điếu tăng 9,6%; sơn hóa học tăng 9,1%; vải dệt từ sợi nhân tạo tăng 8,3%; thép cán tăng 7,1%; sữa tươi tăng 6,9%. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước: Ô tô giảm 19,3%; thép thanh, thép góc giảm 14,4%; điện thoại di động giảm 12,8%; xe máy giảm 8,4%; giày, dép da giảm 5,3%; xi măng giảm 4,3%; dầu thô khai thác giảm 3,7%; quần áo mặc thường giảm 3,6%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2023 tăng 1,7% so với tháng trước và tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 tăng 9,7%).

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2023 tăng 2,5% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 19,4% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm trước tăng 13,4%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 9 tháng năm 2023 là 85,3% (bình quân 9 tháng năm 2022 là 76,4%).

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/9/2023 tăng 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 1,9% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó: Lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,1% và giảm 2,1%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,4% và giảm 2,5%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,2% và giảm 1,7%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng tăng 0,1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 0,5% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 0,9% và giảm 2,1%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí không đổi và giảm 1,5%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,1% và tăng 1,4%.

c) Khu vực dịch vụ

Hoạt động thương mại tháng Chín sôi động hơn tháng trước do có các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ lễ 2/9 và học sinh bước vào năm học mới. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Chín ước đạt 524,6 nghìn tỷ

⁴⁰ Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước giảm là: Quảng Nam giảm 30,8%; Bắc Ninh giảm 13,9%; Vĩnh Long giảm 13,3%; Sóc Trăng giảm 6,6%; Lào Cai giảm 5,1%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước giảm: Sơn La giảm 25,8%; Hà Giang giảm 19,8%; Quảng Nam giảm 19,7%; Lai Châu giảm 18,5%; Điện Biên giảm 17,5%; Lào Cai giảm 12,2%. Địa phương có ngành khai khoáng 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước giảm: Vĩnh Long giảm 81,7%; Hà Giang giảm 47%; Điện Biên giảm 8,4%.

đồng, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, vật phẩm văn hóa, giáo dục phục vụ năm học mới tăng khá cao⁴¹ và các dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tiếp tục duy trì xu hướng tích cực.

Trong quý III/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.550,2 nghìn tỷ đồng, tăng 1,9% so với quý trước và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 4.567,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 20,9%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,3% (cùng kỳ năm 2022 tăng 16,6%). Trong đó:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng năm 2023 ước đạt 3.572,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 7,0%)⁴². Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 9 tháng năm 2023 ước đạt 500,1 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước⁴³. Doanh thu du lịch lữ hành 9 tháng năm 2023 ước đạt 26,5 nghìn tỷ đồng, tăng 47,7% so với cùng kỳ năm trước⁴⁴. Doanh thu dịch vụ khác 9 tháng năm 2023 ước đạt 469,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước⁴⁵.

Khách quốc tế đến Việt Nam tháng 9/2023⁴⁶ đạt hơn 1 triệu lượt người, giảm 13,4% so với tháng trước và gấp 2,4 lần cùng kỳ năm trước; số lượt người Việt Nam xuất cảnh đạt 501,4 nghìn lượt người, tăng 43,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, khách quốc tế đến nước ta ước đạt 8,9 triệu lượt người, gấp 4,7 lần cùng kỳ năm trước nhưng vẫn chỉ bằng 69% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19; số lượt người Việt Nam xuất cảnh đạt 3,8 triệu lượt người, gấp 2,5 lần cùng kỳ năm trước.

Hoạt động vận tải trong tháng Chín duy trì tốc độ tăng tích cực so với cùng kỳ năm trước, trong đó vận chuyển hành khách tăng 5,7% và luân chuyển hành

⁴¹ Vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 21,8%; đồ dùng, trang thiết bị gia đình tăng 10,3%; lương thực, thực phẩm tăng 7,9 % so với cùng kỳ năm trước.

⁴² Trong đó, nhóm vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 12,8%; hàng lương thực, thực phẩm tăng 11,4%; may mặc tăng 7,8%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 4,9%; riêng phương tiện đi lại (trừ ô tô) giảm 1,6%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Hải Phòng tăng 11,9%; Quảng Ninh tăng 10,9%; Đồng Nai tăng 9,9%; Bình Dương tăng 9,0%; Khánh Hòa tăng 8,7%; Cần Thơ tăng 8,2%; Đà Nẵng tăng 5,2%; Hà Nội tăng 4,8%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 3,9%.

⁴³ Doanh thu 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Thành phố Hồ Chí Minh tăng 24,6%; Đà Nẵng tăng 24,5%; Quảng Ninh tăng 22,5%; Hải Phòng tăng 13,8%; Hà Nam tăng 11,9%; Hà Nội tăng 10,5%.

⁴⁴ Doanh thu 9 tháng năm 2023 của một số địa phương so với cùng kỳ năm trước như sau: Đà Nẵng tăng 139,9%; Quảng Ninh tăng 98,8%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 91,3%; Hà Nội tăng 67,4%; Hải Phòng tăng 50,9%; Cần Thơ tăng 39,6%.

⁴⁵ Cụ thể mức tăng, giảm 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Lào Cai tăng 22,9%; Đà Nẵng tăng 15,7%; Phú Yên tăng 14,7%; Quảng Ninh tăng 13,9%; Tiền Giang tăng 12,3%; Cần Thơ tăng 9,0%; Hà Nội tăng 8,7%; Hải Phòng tăng 6,0%; Hà Giang tăng 2,9%; Quảng Nam tăng 1,4%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 0,9%; Hòa Bình giảm 6,2%.

⁴⁶ Kỳ báo cáo từ ngày 21/8/2023-20/9/2023.

khách tăng 24,6%; vận chuyển hàng hóa tăng 12,5% và luân chuyển hàng hóa tăng 8,7%.

Tính chung 9 tháng năm 2023, vận chuyển hành khách tăng 13,1% và luân chuyển tăng 27,9% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hàng hóa tăng 14,6% và luân chuyển tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước.

d) Xuất, nhập khẩu hàng hóa:

Trong tháng Chín, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa⁴⁷ ước đạt 60,53 tỷ USD, giảm 2,5% so với tháng trước và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 497,66 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 8,2%; nhập khẩu giảm 13,8%⁴⁸. Cán cân thương mại hàng hóa 9 tháng năm 2023 ước tính xuất siêu 21,68 tỷ USD. Cụ thể:

- *Về xuất khẩu:* Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 8/2023 sơ bộ đạt 32,76 tỷ USD, cao hơn 391 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 9/2023 ước đạt 31,41 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 8,3 tỷ USD, giảm 6,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 23,11 tỷ USD, giảm 3,1%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Chín tăng 4,6%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 17,9%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 0,5%.

Trong quý III năm 2023, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 94,6 tỷ USD, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10,3% so với quý II năm 2023.

Tính chung 9 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 259,67 tỷ USD, giảm 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 68,86 tỷ USD, giảm 5,7%, chiếm 26,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 190,81 tỷ USD, giảm 9,1%, chiếm 73,5%.

Trong 9 tháng năm 2023 có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,2% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 62,2%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 9 tháng năm 2023, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 3,21 tỷ USD, chiếm 1,2%; nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 229,22 tỷ USD, chiếm 88,3%; nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 20,6 tỷ USD, chiếm 7,9%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 6,64 tỷ USD, chiếm 2,6%.

⁴⁷ Ước tính tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu tháng 9/2023 do Tổng cục Hải quan cung cấp ngày 27/9/2023. Tổng cục Thống kê ước tính trị giá xuất, nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu tháng 9/2023 dựa trên số liệu sơ bộ về trị giá xuất, nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu đến hết ngày 24/9/2023 do Tổng cục Hải quan cung cấp.

⁴⁸ Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2022 đạt 559,1 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 283 tỷ USD, tăng 17,5%; nhập khẩu đạt 276,1 tỷ USD, tăng 13%.

- *Về nhập khẩu*: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2023 sơ bộ đạt 29,32 tỷ USD, cao hơn 772 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2023 ước đạt 29,12 tỷ USD, giảm 0,7% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,37 tỷ USD, giảm 1,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18,75 tỷ USD, giảm 0,4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Chín tăng 2,6%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,3%.

Trong quý III năm 2023, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 86 tỷ USD, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước và tăng 11% so với quý II năm 2023.

Tính chung 9 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 237,99 tỷ USD, giảm 13,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 85,12 tỷ USD, giảm 11,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 152,87 tỷ USD, giảm 14,9%.

Trong 8 tháng năm 2023 có 37 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 89,7% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 39,3%).

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 9 tháng năm 2023, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 223,08 tỷ USD, chiếm 93,7%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 45,5%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 48,3%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng ước đạt 14,91 tỷ USD, chiếm 6,3%.

- *Xuất, nhập khẩu dịch vụ*: Trong quý III/2023, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 5,1 tỷ USD, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm 2022 và tăng 11,6% so với quý trước; kim ngạch nhập khẩu dịch vụ ước đạt 7,7 tỷ USD, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 11,9% so với quý trước.

Tính chung 9 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 14,2 tỷ USD, tăng 60,6% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó dịch vụ du lịch đạt 6,6 tỷ USD (chiếm 46,5% tổng kim ngạch), gấp 3,9 lần so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ vận tải đạt 4,1 tỷ USD (chiếm 28,6%), tăng 6,6%.

Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 9 tháng năm 2023 ước đạt 20,9 tỷ USD (trong đó đã tính trong phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu là 7,5 tỷ USD), tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 9,1 tỷ USD (chiếm 43,6% tổng kim ngạch), giảm 5,9%; dịch vụ du lịch đạt 5,4 tỷ USD (chiếm 25,9%), tăng 9,9%. Nhập siêu dịch vụ 9 tháng năm 2023 là 6,7 tỷ USD.

- *Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 9 tháng đầu năm 2023*: Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 70,9 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 79,1 tỷ USD. Trong 9 tháng năm 2023, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 60,7 tỷ USD giảm 18% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu sang EU ước đạt 21,6 tỷ USD, giảm 10,7%;

xuất siêu sang Nhật Bản 1,3 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 4,5 triệu USD); nhập siêu từ Trung Quốc 36,9 tỷ USD, giảm 26,6%; nhập siêu từ Hàn Quốc 20,7 tỷ USD, giảm 29,7%; nhập siêu từ ASEAN 5,7 tỷ USD, giảm 39,6%.

- *Cân đối xuất, nhập khẩu*: Cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ tháng Tám xuất siêu 3,44 tỷ USD⁴⁹; 8 tháng xuất siêu 19,39 tỷ USD; tháng Chín ước tính xuất siêu 2,29 tỷ USD. Tính chung 9 tháng năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 21,68 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 6,9 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 16,26 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 37,94 tỷ USD.

đ) Về tình hình đăng ký doanh nghiệp

Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt 165.240 doanh nghiệp, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2022 và gấp 1,2 lần mức bình quân doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường giai đoạn 2018-2022 (132.818 doanh nghiệp). Cụ thể:

- Trong tháng có 12.684 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký là 117.158 tỷ đồng, tăng 10,6% về số doanh nghiệp và giảm 13,9% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2022. Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong tháng 9/2023 đạt 18.492 doanh nghiệp, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2022 và là mức cao nhất trong tháng 9 từ trước đến nay. Tính riêng trong quý III/2023, số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường là 59.559 doanh nghiệp, mức cao nhất trong giai đoạn Quý III kể từ trước đến nay, tăng 18,0% so với cùng kỳ năm 2022 (50.459 doanh nghiệp). Tính chung 9 tháng năm 2023, Số doanh nghiệp thành lập mới là 116.342 doanh nghiệp, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2022, gấp 1,2 lần mức bình quân giai đoạn 2018-2022 (99.223 doanh nghiệp). Số vốn đăng ký thành lập trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt 1.086.776 tỷ đồng, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng đầu năm 2023 là 2.573.086 tỷ đồng (giảm 34,2% so với cùng kỳ năm 2022), trong đó, số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 1.086.776 tỷ đồng (giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2022). Có 35.567 doanh nghiệp đang hoạt động đăng ký tăng vốn trong 9 tháng năm 2023 (giảm 8,1% so với cùng kỳ năm 2022), số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động đạt 1.486.310 tỷ đồng (giảm 43,6% so với cùng kỳ năm 2022). Vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt 9,3 tỷ đồng, giảm 17,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Có 11/17 ngành có số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng so với cùng kỳ năm 2022, trong đó có: Giáo dục và đào tạo (tăng 33,0%); Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (tăng 18,4%); Dịch vụ việc làm; du lịch; cho thuê máy móc thiết bị,

⁴⁹ Ước tính tháng Tám xuất siêu 3,82 tỷ USD.

đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác (tăng 14,2%); Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy (tăng 12,3%); Nghệ thuật, vui chơi và giải trí (tăng 8,3%); Khoa học, công nghệ; dịch vụ tư vấn, thiết kế; quảng cáo và chuyên môn khác (tăng 6,6%); Dịch vụ lưu trú và ăn uống (tăng 4,6%); Thông tin và truyền thông (tăng 3,3%); Xây dựng (tăng 2,6%); Vận tải kho bãi (tăng 2,2%) và Khai khoáng (tăng 1,6%).

Có 6/17 ngành ghi nhận số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm so với cùng kỳ năm 2022: Kinh doanh bất động sản (giảm 52,4%); Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (giảm 20,6%); Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (giảm 19,5%); Hoạt động dịch vụ khác (giảm 3,8%); Công nghiệp chế biến, chế tạo (giảm 3,7%) và Sản xuất phân phối, điện, nước, gas (giảm 1,6%).

Theo khu vực kinh tế, các doanh nghiệp thành lập mới đa phần có quy mô nhỏ (từ 0 - 10 tỷ đồng) với 105.722 doanh nghiệp (chiếm 90,9%, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2022), chủ yếu thuộc nhóm ngành Dịch vụ với 87.411 doanh nghiệp, chiếm 75,1% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, tăng 4,9% so với năm ngoái. Nhóm ngành Công nghiệp và Xây dựng có 27.689 doanh nghiệp gia nhập thị trường, chiếm 23,8% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2022. Khu vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận 1.242 doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 1,1% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, giảm 19,5% so với cùng kỳ năm trước.

Số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 9/2023 là 80.057 người, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đầu năm 2023 là 748.861 lao động, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2022.

- Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động ghi nhận những tín hiệu tích cực. Tháng 9/2023 ghi nhận có 5.808 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2022. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong Quý III/2023 là 19.091 doanh nghiệp, cũng đạt mức cao nhất trong Quý III kể từ trước đến nay, gấp 1,4 lần so với cùng kỳ năm 2022 (13.901 doanh nghiệp) và gấp 1,7 lần so với mức trung bình doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong Quý III giai đoạn 2018-2022 (11.096 doanh nghiệp). Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 9 tháng đầu năm 2023 là 48.898 doanh nghiệp, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2022, gấp 1,5 lần mức bình quân giai đoạn 2018-2022 (33.596 doanh nghiệp).

- Tỷ lệ doanh nghiệp giải thể trong tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 9 tháng đầu năm có xu hướng giảm dần kể từ năm 2019 đến nay. Trong tháng 9/2023, cả nước có 10.838 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 25,5% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó có: 4.124 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tăng 40,5% so với cùng kỳ năm 2022; 5.273 doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm 2022; 1.441 doanh nghiệp đã giải thể, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong Quý III/2023 là 36.329 doanh nghiệp, giảm 4,8% so với Quý II/2023 (38.146 doanh nghiệp) và giảm 39,7% so với Quý I/2023 (60.241 doanh nghiệp). Trong 9 tháng đầu năm 2023 có 135.105 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, phần lớn là các doanh nghiệp lựa chọn hình thức tạm ngừng kinh doanh trong ngắn hạn (chiếm 56,1%), cụ thể:

- Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh là 75.791 doanh nghiệp, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2022. Phần lớn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trong 9 tháng năm 2023 có thời gian hoạt động ngắn, dưới 5 năm với 36.089 doanh nghiệp (chiếm 47,6%); tập trung chủ yếu ở quy mô nhỏ (dưới 10 tỷ đồng) với 67.147 doanh nghiệp (chiếm 88,6%, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2022).

- Số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể là 46.086 doanh nghiệp, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2022. Các doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng với 40.362 doanh nghiệp (chiếm 87,6%, tăng 26,2% so với cùng kỳ năm 2022).

- Số doanh nghiệp giải thể là 13.228 doanh nghiệp, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, có 6/17 ngành kinh doanh chính có số lượng doanh nghiệp giải thể tăng so với cùng kỳ năm 2022. Phần lớn doanh nghiệp giải thể trong 9 tháng đầu năm 2023 có thời gian hoạt động ngắn (dưới 5 năm) với 9.141 doanh nghiệp (chiếm 69,1%) và tập trung chủ yếu ở quy mô vốn từ 0 - 10 tỷ đồng với 11.360 doanh nghiệp (chiếm 85,9%, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2022).

Trong tháng 9 (tính đến ngày 25/9/2023), không phát sinh hoạt động thoái vốn tại doanh nghiệp. Theo đó, lũy kế 9 tháng, các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp thoái vốn tại 11 đơn vị với giá trị 62,3 tỷ đồng, thu về 225,3 tỷ đồng.

8. Về một số lĩnh vực xã hội và bảo vệ môi trường

a) Lao động, việc làm

Lực lượng lao động có xu hướng tăng nhưng thị trường lao động, việc làm tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức chủ yếu do các doanh nghiệp thiếu đơn hàng sản xuất. Lao động có việc làm quý III/2023 tăng 523,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,3%, tăng 0,02 điểm phần trăm. Tính chung 9 tháng năm 2023, lao động có việc làm tăng 776 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,28%, giảm 0,07 điểm phần trăm. Cụ thể:

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước quý III/2023 ước tính là 52,4 triệu người, tăng 92,6 nghìn người so với quý trước và tăng 546 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý III/2023 là 68,9%, không đổi so với quý trước và tăng 0,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên

là 52,3 triệu người, tăng 760 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 68,9%, tăng 0,4 điểm phần trăm.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý III/2023 là 27,3%, tăng 0,5 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; tính chung 9 tháng năm nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 26,8%, tăng 0,6 điểm phần trăm.

Lao động có việc làm quý III/2023 ước tính là 51,3 triệu người, tăng 87,4 nghìn người so với quý trước và tăng 523,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước do hoạt động sản xuất kinh doanh quý III/2023 khởi sắc hơn⁵⁰. Xét theo khu vực kinh tế, số lao động có việc làm tăng chủ yếu trong ngành dịch vụ⁵¹. Tính chung 9 tháng năm 2023, lao động có việc làm là 51,2 triệu người, tăng 776 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Xét theo khu vực kinh tế, lao động có việc làm 9 tháng năm 2023 trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 13,8 triệu người, chiếm 27% và giảm 118,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 17,2 triệu người, chiếm 33,5% và tăng 318,5 nghìn người; khu vực dịch vụ là 20,2 triệu người, chiếm 39,5% và tăng 575,7 nghìn người.

Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi quý III/2023 là 2,3%, không đổi so với quý trước và tăng 0,02 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực thành thị là 2,78%; khu vực nông thôn là 2,01%. Theo báo cáo nhanh từ các địa phương, số lao động nghỉ giãn việc của các doanh nghiệp trên cả nước trong quý III năm nay⁵² khoảng 54,2 nghìn người, giảm 187,3 nghìn người so với quý trước, chủ yếu là lao động ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 66,3%), tập trung ở ngành da giày với 31,9% và dệt may với 30,9%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng năm 2023 là 2,28%, giảm 0,07 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực thành thị là 2,73%; khu vực nông thôn là 2%.

Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) quý III/2023 là 7,86%, tăng 0,45 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,16 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước⁵³. Tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo ở khu vực nông thôn là 13,5%, khu vực thành thị là 9,8%; nữ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo là 13,9%; nam là 10,4%. Tính

⁵⁰ Trong đó, khu vực thành thị là 19,1 triệu người, tăng 77 nghìn người so với quý trước và tăng 254,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; khu vực nông thôn là 32,2 triệu người, tăng 10,4 nghìn người và tăng 268,8 nghìn người.

⁵¹ Lao động có việc làm quý III/2023 trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 13,8 triệu người, chiếm 26,9% và giảm 18,4 nghìn người so với quý trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 17,1 triệu người, chiếm 33,3% và tăng 10 nghìn người; khu vực dịch vụ là 20,4 triệu người, chiếm 39,8% và tăng 95,8 nghìn người.

⁵² Số liệu tổng hợp từ ngày 01/7/2023 đến 15/9/2023.

⁵³ Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 10,35%; khu vực nông thôn là 6,60%.

chung 9 tháng năm 2023, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) là 7,63%, giảm 0,23 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước⁵⁴.

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý III/2023 là 2,06%, không đổi so với quý trước và tăng 0,14 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước⁵⁵. Tính chung 9 tháng năm 2023, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 922,4 nghìn người, giảm 105 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 2,02%, giảm 0,27 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 1,60%, giảm 0,15 điểm phần trăm; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 2,28%, giảm 0,35 điểm phần trăm.

Nhìn chung, lao động có việc làm có xu hướng tăng nhưng thị trường lao động chưa cải thiện về chất lượng khi số lao động làm các công việc bấp bênh, thiếu tính ổn định vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Số lao động có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản)⁵⁶ quý III/2023 là 33,4 triệu người, chiếm 65% trong tổng số lao động có việc làm, tăng 43,9 nghìn người so với quý trước và tăng 355,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức là 64,9%, giảm 1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực thành thị là 49,4%, giảm 1 điểm phần trăm; khu vực nông thôn là 74%, giảm 1,1 điểm phần trăm; nam là 68%, giảm 1,2 điểm phần trăm và nữ là 61,4%, giảm 0,8 điểm phần trăm.

Lao động làm công việc tự sản tự tiêu quý III/2023 là 3,7 triệu người, giảm 220,4 nghìn người so với quý trước và giảm gần 0,6 triệu người so với cùng kỳ năm trước, trong đó có khoảng 1,7 triệu người trong độ tuổi lao động (chiếm 45,9%). Lao động làm công việc tự sản, tự tiêu liên tục giảm dần do nhóm lao động này dần rời bỏ công việc tự sản tự tiêu để tìm kiếm các công việc ổn định và có thu nhập tốt hơn. Tính chung 9 tháng năm 2023, lao động làm công việc tự sản tự tiêu là gần 3,9 triệu người, giảm 0,6 triệu người so với cùng kỳ năm trước⁵⁷.

Thu nhập bình quân của lao động quý III/2023 là 7,1 triệu đồng/tháng, tăng 146 nghìn đồng so với quý II/2023 và tăng 359 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu nhập bình quân tháng của lao động nam là 8,1 triệu đồng/tháng, lao

⁵⁴ Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 9,8%, tăng 0,15 điểm phần trăm; khu vực nông thôn là 6,51%, giảm 0,4 điểm phần trăm.

⁵⁵ Trong quý III/2023, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 372,6 nghìn người, chiếm 39,6%, giảm 54,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 297,4 nghìn người, chiếm 31,6%, tăng 109,2 nghìn người; khu vực dịch vụ là 270,9 nghìn người, chiếm 28,8%, tăng 14,1 nghìn người.

⁵⁶ Lao động có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong khu vực hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản) là những người có việc làm và thuộc một trong các trường hợp sau: (i) lao động gia đình không được hưởng lương, hưởng công; (ii) người chủ của cơ sở, lao động tự làm trong khu vực phi chính thức (iii) người làm công hưởng lương không được ký hợp đồng lao động hoặc được ký hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc; (iv) xã viên hợp tác xã không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; (v) lao động trong khu vực hộ nông nghiệp.

⁵⁷ Lao động tự sản tự tiêu là nữ giới chiếm 63%. Trong tổng số 3,9 triệu người là lao động sản xuất tự sản tự tiêu, có hơn 1,9 triệu người đang trong độ tuổi lao động (chiếm 50,4%).

động nữ là 5,9 triệu đồng/tháng; thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị là 8,6 triệu đồng/tháng, khu vực nông thôn là 6,2 triệu đồng/tháng. Tính chung 9 tháng năm 2023, thu nhập bình quân của lao động là 7 triệu đồng/tháng, tăng 6,8%, tương ứng tăng 451 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước⁵⁸.

Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các chính sách, giải pháp về ổn định, phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho người lao động. Các địa phương cũng đã tăng cường tổ chức các sàn giao dịch việc làm, tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động, nhất là người lao động bị thất nghiệp để sớm quay lại thị trường lao động; tích cực triển khai hoạt động chăm lo cho người lao động gặp khó khăn, hạn chế tối đa tranh chấp lao động, thực hiện nghiêm quy định về an toàn, vệ sinh lao động... nhằm giúp người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, an tâm làm việc, gắn bó lâu dài cùng doanh nghiệp và địa phương phát triển bền vững. Công tác tuyển chọn, đào tạo nguồn và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được tăng cường và quản lý chặt chẽ hơn; trong tháng 8 năm 2023, tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là 14.273 lao động (trong đó có 5.402 lao động nữ)⁵⁹. Trong 9 tháng đầu năm 2023, tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là 111.507 lao động (38.816 lao động nữ), đạt 101,37% kế hoạch năm 2023.

b) Công tác an sinh xã hội

Theo khảo sát tình hình đời sống của hộ dân cư, đời sống của hộ dân cư trong 9 tháng năm 2023 được cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm 2022 khi tỷ lệ hộ dân cư đánh giá có thu nhập trong 9 tháng năm nay không thay đổi và tăng lên so với tháng cùng kỳ năm 2022 là 94,1%, tăng 10,9 điểm phần trăm so với kỳ báo cáo 9 tháng năm 2022. Công tác an sinh xã hội tiếp tục được các cấp từ trung ương đến địa phương quan tâm thực hiện.

Các nguyên nhân chính làm cho thu nhập giảm được các hộ gia đình đánh giá như sau: 38,3% hộ gia đình có thành viên mất việc làm/tạm nghỉ việc; 26,5% hộ đánh giá do chi phí đầu vào cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ tăng và 22,2% hộ đánh giá do giá bán các sản phẩm từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ giảm.

Về tác động của các sự kiện tiêu cực đến đời sống trong 9 tháng năm 2023 được các hộ gia đình đánh giá như sau: 30,3% hộ đang phải chịu những ảnh hưởng do giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao; 5% hộ gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực từ

⁵⁸ Trong đó, thu nhập bình quân của lao động nam là 8 triệu đồng/tháng, lao động nữ là 5,9 triệu đồng; thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị là 8,6 triệu đồng/tháng, khu vực nông thôn là 6,1 triệu đồng/tháng.

⁵⁹ Trong đó thị trường: Nhật Bản: 8.473 lao động (3.431 lao động nữ), Đài Loan: 4.512 lao động (1.391 lao động nữ), Ba Lan: 651 lao động (124 lao động nữ), Hàn Quốc: 504 lao động (47 lao động nữ), A Rập Xê Út 205 lao động (145 lao động nữ); Trung Quốc: 198 lao động nam, Singapore: 51 lao động nam, Hungari: 146 lao động (90 lao động nữ), Romani: 78 lao động (10 lao động nữ) và các thị trường khác.

dịch bệnh đối với con người và 2% hộ gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh đối với vật nuôi, cây trồng.

Trong 9 tháng năm 2023, có 10% hộ gia đình được phỏng vấn nhận được sự trợ giúp từ các nguồn hỗ trợ khác nhau. Trong đó, tỷ lệ hộ nhận được trợ giúp từ họ hàng, người thân là 6,5%; từ các chương trình, chính sách của địa phương là 3,4%; từ các chương trình, chính sách chung của quốc gia là 3,1%; từ các hoạt động từ thiện của các tổ chức và cá nhân khác là 1,7% và 0,02% từ các nguồn khác.

Công tác an sinh xã hội luôn được các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương quan tâm thực hiện. Theo báo cáo từ địa phương, tính đến ngày 19/9/2023, giá trị quà tặng cho các đối tượng bảo trợ theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP là 3,2 nghìn tỷ đồng; trị giá tiền, quà thăm hỏi và các hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là gần 3,1 nghìn tỷ đồng; trị giá tiền và quà cho các đối tượng ưu đãi là người có công, thân nhân người có công với cách mạng là 6,4 nghìn tỷ đồng (riêng dịp 27/7 là gần 1,7 nghìn tỷ đồng); hỗ trợ đột biến, bất thường (thiên tai, bão lũ...) phát sinh tại địa phương hơn 132,9 tỷ đồng. Ngoài ra, có gần 27,9 triệu thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng chính sách trên địa bàn cả nước.

Chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua có tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống người dân, đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Lũy kế đến hết tháng 8/2023⁶⁰, cả nước có 6.031/8.167 xã (73,85%) đạt chuẩn nông thôn mới; có 1.521 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 225 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; bình quân cả nước đạt 16,9 tiêu chí/xã; có 264 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 41% số huyện cả nước). Có 20 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Công tác phát triển bảo hiểm xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng người tham gia của quý I và quý II có tăng so với cùng kỳ năm 2022. Tính đến ngày 31/8/2023, số người tham gia BHXH⁶¹ ước đạt khoảng 17,501 triệu người⁶² (tăng 526 nghìn người, tương đương 3,1% so với cùng kỳ năm 2022); số người tham gia BHTN khoảng 14,297 triệu người (tăng 348 nghìn người, tương đương 2,59% so với cùng kỳ năm 2022). Tổ chức thực hiện kịp thời chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Trong 9 tháng đầu năm⁶³, tổng số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN là

⁶⁰ Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xây dựng nông thôn mới.

⁶¹ Báo cáo số 2727/BC-BHXH ngày 31/8/2023 của BHXH Việt Nam.

⁶² Trong đó: số người tham gia BHXH bắt buộc khoảng 16,005 triệu người, tham gia BHXH tự nguyện khoảng 1,496 triệu người.

⁶³ Từ 01/01/2023 đến 18/9/2023.

812.577 người, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2022⁶⁴; số người có quyết định hưởng TCTN là 773.068 người, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2022⁶⁵.

Công tác chăm sóc người có công với cách mạng được quan tâm thực hiện hiệu quả. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, huy động nguồn lực xã hội chăm lo đời sống người có công với cách mạng được đẩy mạnh. Đời sống người có công và thân nhân người có công tiếp tục được cải thiện, nâng cao hơn. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách trợ cấp thường xuyên cho 1.066.940 đối tượng. Công tác thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng nhân dịp kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đến đúng đối tượng; trong đó, tặng quà dịp 27/7 cho gần 1,4 triệu người có công với kinh phí trên 427 tỷ đồng. Tổ chức Hội nghị biểu dương người có công với cách mạng tiêu biểu toàn quốc năm 2023⁶⁶. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách trợ cấp thường xuyên cho 1.138.816 đối tượng, trợ cấp một lần 100 tỷ đồng cho 2.332 người với kinh phí thực hiện 8 tháng đầu năm đạt 17.566 nghìn tỷ đồng. Cấp mới 69 bằng Tổ quốc ghi công; cấp lại 4.708 bằng Tổ quốc ghi công; cấp trích lục 80 hồ sơ liệt sĩ; tiếp nhận 2.475 mẫu hài cốt liệt sĩ để giám định ADN⁶⁷.

Thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội, hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chủ động huy động nguồn lực địa phương để hỗ trợ kịp thời cho người dân⁶⁸. Thực hiện chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng cho 3.336.267 đối tượng bảo trợ xã hội⁶⁹ và 354.340 hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng hàng tháng. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội của đối tượng cần trợ giúp xã hội⁷⁰, đến nay cả nước có 425 cơ sở trợ giúp xã hội (195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập)⁷¹.

⁶⁴ Trong đó, số người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN dưới 35 tuổi chiếm 52,7%.

⁶⁵ Trong đó, số người có QĐ hưởng TCTN dưới 25 tuổi chiếm 12,1% số quyết định, số người từ 25 đến 40 tuổi chiếm 63,6%.

⁶⁶ Tham dự hội nghị có 300 đại biểu người có công với cách mạng tiêu biểu đại diện cho hơn 9,2 triệu người có công và thân nhân người có công với cách mạng toàn quốc.

⁶⁷ Trong đó: (1) Mẫu hài cốt liệt sĩ do các đội quy tập bàn giao đến các Sở Lao động- Thương binh Xã hội là 206 mẫu; (2) Mẫu hài cốt liệt sĩ theo đề nghị của thân nhân liệt sĩ và các Sở Lao động- Thương binh Xã hội thực hiện lấy mẫu là 59 mẫu hài cốt liệt sĩ và 59 mẫu thân nhân liệt sĩ.

⁶⁸ Triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã có Công văn số 5277/LĐTBXH-VP ngày 26/12/2022 chỉ đạo các địa phương rà soát, đánh giá tình hình đời sống Nhân dân, tổng hợp số hộ, số khẩu có nguy cơ thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và giáp hạt đầu năm 2023. Tổng hợp, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ 18.258,735 tấn gạo cứu đói cho 204.663 hộ với 1.217.249 nhân khẩu dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và giáp hạt năm 2023 cho 18 tỉnh, thành phố. Các địa phương cũng chủ động bố trí ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa để hỗ trợ trên 1.500 tấn gạo cho các hộ nghèo, cận nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn.

⁶⁹ Trong đó 1.424.733 người cao tuổi, 1.584.301 người khuyết tật, 16.395 trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, 83.096 người đơn thân nghèo, cận nghèo đang nuôi con, 137.131 trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, 90.611 đối tượng khác.

⁷⁰ Đến nay, mạng lưới các cơ sở TGXH đã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội 30% đối tượng cần trợ giúp xã hội với các dịch vụ như tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội; tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, lao động sản xuất, dạy văn hoá, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội.

⁷¹ Trong đó, có 46 cơ sở chăm sóc người cao tuổi, 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật, 149 cơ sở chăm sóc trẻ em, 102 cơ sở tổng hợp, 32 cơ sở chăm sóc người tâm thần và 23 trung tâm công tác xã hội.

Công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi (NCT) tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm. Đến tháng 8/2023, có 95% NCT được cấp thẻ bảo hiểm y tế; 32% NCT được lập hồ sơ quản lý theo dõi sức khỏe ban đầu; hàng năm tổ chức chúc thọ, mừng thọ cho hơn 1 triệu NCT; có ít nhất 95% các tỉnh, thành phố có Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau của người cao tuổi. Cả nước có 9.575/11.161 xã, phường, thị trấn thành lập được Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT (chiếm gần 80%), đã huy động được tổng số tiền gần 300 tỷ đồng.

Công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới được tăng cường; bảo đảm duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội và kịp thời phát hiện, giải quyết, thông tin về các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em và liên quan đến quyền trẻ em. Trong 09 tháng đầu năm 2023, Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111) đã tiếp nhận 238.500 cuộc gọi đến (giảm 85.953 cuộc so với cùng kỳ), trong đó có 15.991 cuộc gọi tư vấn, 845 can thiệp hỗ trợ (giảm 455 ca so với cùng kỳ năm 2022). Huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, 8 tháng đầu năm Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam vận động được trên 17,851 tỷ đồng; thực hiện hỗ trợ cho 48.221 lượt trẻ em với kinh phí trên 26,06 tỷ đồng.

Thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới⁷². Triển khai các hoạt động hợp tác về bình đẳng giới trong khuôn khổ các hợp tác đa phương và song phương ở cấp quốc tế và khu vực⁷³.

Về cai nghiện ma túy, tính đến ngày 14/8/2023, các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên cả nước đã điều trị, cai nghiện cho 53.131 người⁷⁴. Hiện có 261 cơ sở, đơn vị đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng thuộc 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đã tổ chức cai nghiện cho 2.174 người. Quản lý sau cai nghiện ma túy 21.376 người.

c) Giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ

Về giáo dục và đào tạo, tích cực triển khai tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa

⁷² (i) Đối thoại chính sách với chủ đề: “Bình đẳng giới trong chuyển đổi số ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức”; (ii) Hội thảo “Chia sẻ kinh nghiệm vận hành và nhân rộng mô hình Trung tâm dịch vụ một cửa hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực tại Việt Nam”; (iii) Hội thảo với chủ đề “An toàn đối với phụ nữ và trẻ em gái ở nơi công cộng: Thực trạng và giải pháp”, hội thảo cũng đã chia sẻ kết quả khảo sát trực tuyến về vấn đề an toàn với phụ nữ và trẻ em gái ở nơi công cộng trong 2 năm 2022 và 2023. Tổ chức cuộc họp mạng lưới đối tác về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hàng quý.

⁷³ Tham dự Khoá họp thường niên lần thứ 67 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ Liên hợp quốc tại Hoa Kỳ tháng 3/2023; tham gia Đoàn công tác do Phó Chủ tịch nước dẫn đầu tham dự Hội nghị phụ nữ thượng đỉnh toàn cầu tại các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE); Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế APEC năm 2023 tại Hoa Kỳ.

⁷⁴ Trong đó: số tiếp nhận mới là 23.764 người, tự nguyện 4.721 người (có 96 từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi); số chuyển từ năm 2022 sang là 29.367 người; số tái hòa nhập cộng đồng là 20.890 người. Hiện các cơ sở cai nghiện ma túy công lập đang tổ chức cai nghiện cho 32.241 người, trong đó có 28.513 người thuộc diện cai nghiện ma túy bắt buộc theo quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính của Tòa án (có 61 người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi); số người cai nghiện ma túy tự nguyện là 3.929 người (có 85 người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi). Số người lưu trú tạm thời trong thời gian xác định tình trạng nghiện và trong thời gian lập hồ sơ là 2.837 người.

XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Kế hoạch giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của 6 vùng kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo⁷⁵. Hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Nhà giáo và thống nhất thông qua về sự cần thiết ban hành Luật Nhà giáo và các chính sách dự kiến đưa vào nội dung của Luật. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện nghiêm các quy định về công tác tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, tinh giản biên chế ngành giáo dục và khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhất là tại các tỉnh miền núi.

Năm học 2023-2024⁷⁶, cả nước có 15,2 nghìn trường mầm non⁷⁷, bao gồm 12.070 trường công lập và 3.130 trường ngoài công lập; 26.057 trường phổ thông. Số giáo viên mầm non là 363,9 nghìn người; số giáo viên phổ thông trực tiếp giảng dạy là 837,8 nghìn người, bao gồm: 395,5 nghìn giáo viên tiểu học; 294,9 nghìn giáo viên trung học cơ sở và 147,4 nghìn giáo viên trung học phổ thông. Cũng trong năm học này, cả nước có 5,2 triệu trẻ em đi học mầm non; 18,3 triệu học sinh phổ thông, bao gồm: 9,4 triệu học sinh tiểu học; 6,1 triệu học sinh trung học cơ sở và 2,8 triệu học sinh trung học phổ thông.

Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2022-2023, cả nước có 2.272 điểm thi với 43.032 phòng thi và 1.024,1 nghìn thí sinh đăng ký dự thi, trong đó, số thí sinh đăng ký trực tuyến là 968.160 thí sinh, chiếm 94,42%; số thí sinh đăng ký trực tiếp là 57.104 thí sinh, chiếm 5,58%; số thí sinh chỉ xét tốt nghiệp là 47.769 thí sinh, chiếm 4,66%; số thí sinh chỉ xét tuyển sinh là 34.155 thí sinh chiếm 3,33%. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2021-2022 đạt 98,88%.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 10 và lớp 11; thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 5, lớp 9 và lớp 12. Chuẩn bị tổ chức thẩm định sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12, sách giáo khoa và tài liệu hướng dẫn dạy học tiếng dân tộc thiểu số lớp 3, sách giáo khoa các môn ngoại ngữ 1, ngoại ngữ 2 ngoài Tiếng Anh từ lớp 6 đến lớp 12. Tổ chức kiểm tra tại một số địa phương về việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; thực hiện quy định về công tác lựa chọn, mua sắm, sử dụng sách giáo khoa và việc biên soạn, phát hành, sử dụng tài liệu giáo dục địa phương. Hướng dẫn các địa phương tổ chức tổng kết năm học 2022 - 2023 và chuẩn bị các điều kiện để triển khai năm học 2023 - 2024.

⁷⁵ Tổ chức thành công 06 Hội nghị phát triển giáo dục, đào tạo vùng.

⁷⁶ Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁷⁷ Bao gồm cả nhà trẻ, mẫu giáo và mầm non.

Tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2023 đảm bảo nghiêm túc, an toàn; tích cực chuẩn bị cho năm học mới 2023 - 2024.

Về giáo dục nghề nghiệp⁷⁸, tính đến tháng 8/2023, cả nước có 1.890 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) gồm: 401 trường cao đẳng, 431 trường trung cấp và 1058 trung tâm GDNN. Số cơ sở GDNN ngoài công lập là 690 cơ sở chiếm 36,5% trong tổng số cơ sở GDNN. Tính đến hết tháng 7/2023, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn cả nước đã tuyển sinh được 1.055 nghìn người, đạt 46% so với kế hoạch năm 2023. Trong đó, tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp tuyển sinh được 220 nghìn người, đạt 41,5% và trình độ sơ cấp, các chương trình đào tạo nghề khác tuyển sinh được 835 nghìn người, đạt 47,3%.

Về khoa học và công nghệ, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tập trung đẩy mạnh công tác xây dựng, lập Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050⁷⁹. Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập; thu hút đa dạng các nguồn lực đầu tư phát triển cho tổ chức KH&CN công lập⁸⁰. Tiếp tục hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Đẩy mạnh tiếp nhận, xử lý các loại đơn về đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp⁸¹. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam năm 2023 tăng 2 bậc, xếp thứ 46/132 nền kinh tế⁸².

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức trung gian môi giới, đánh giá chuyển giao công nghệ, sản giao dịch công nghệ, nhập khẩu, chuyển giao công nghệ tiên tiến; khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài có cam kết chuyển giao công nghệ hoặc thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam⁸³.

Rà soát, hoàn thiện các quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN; xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về KH&CN bảo đảm đồng bộ, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý nhà nước và phù hợp với tình hình thực tiễn⁸⁴. Triển khai hiệu

⁷⁸ Theo báo cáo của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội gửi ngày 28/8/2023.

⁷⁹ Đã trình Thủ tướng Chính phủ hồ sơ Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Tờ trình số 1661/TTr-BKH&CN ngày 02/6/2023).

⁸⁰ Tính đến 31/12/2022, cả nước có 4.574 tổ chức KH&CN đăng ký hoạt động tại Bộ và các Sở KH&CN. Trong đó, số lượng các tổ chức KH&CN công lập là 2.578 tổ chức, chiếm 56,37%.

⁸¹ Trong 8 tháng đầu năm 2023, đã tiếp nhận 54.165 đơn, trong đó có 6.435 đơn sáng chế/giải pháp hữu ích (SC/GPHI); xử lý 37.560 đơn, trong đó có 4.591 đơn SC/GPHI; cấp 18.672 văn bằng bảo hộ (VBBH) sở hữu công nghiệp (giảm 43% so với cùng kỳ 2022), trong đó có 2.562 VBBH SC/GPHI.

⁸² Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2023 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).

⁸³ Cấp 18 Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, 10 Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất ô tô, xe máy, xử lý nước thải, tự động hóa, hóa chất, dược phẩm, thực phẩm.

⁸⁴ Từ 01/01/2023 đến hết ngày 07/9/2023: (1) CSDL Nhiệm vụ KH&CN cập nhật được 3.101 của

quả các nhiệm vụ được giao tại Đề án “Phát triển nguồn tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”⁸⁵.

Xây dựng, đưa vào vận hành thử nghiệm Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia nhằm mục tiêu số hóa dữ liệu giúp doanh nghiệp tăng cường truy xuất nguồn gốc. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa⁸⁶. Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa kịp thời phát hiện, xử lý nhiều vụ vi phạm góp phần tích cực trong công tác đấu tranh, phòng chống gian lận thương mại, hàng giả, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng⁸⁷. Đẩy mạnh các hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đặc biệt là hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Thúc đẩy liên kết hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia với các hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển của khu vực và trên thế giới⁸⁸. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ thông qua các hoạt động triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia⁸⁹. Tăng cường giải quyết thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ⁹⁰. Triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030⁹¹. Triển khai bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương

nhiệm vụ (gồm 1.808 Kết quả thực hiện nhiệm vụ; 640 nhiệm vụ đang tiến hành và 653 ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ); (2) CSDL Công bố KH&CN Việt Nam cập nhật được 10.357 bản ghi (trong đó: Khoa học tự nhiên là 503; Khoa học kỹ thuật và công nghệ là 1.345; Khoa học y, dược là 2.874; Khoa học nông nghiệp là 797; Khoa học xã hội là 4.280; Khoa học nhân văn là 558); (3) CSDL tổ chức KHCN hiện có thông tin của 2.975 tổ chức; (4) CSDL cán bộ đã cập nhật được thông tin của 21.313 cán bộ khoa học.

⁸⁵ Đã bổ sung, mua quyền truy cập các nguồn tin KH&CN cốt lõi của nước ngoài để phục vụ cộng đồng khoa học và công tác quản lý (Mua quyền truy cập CSDL ScienceDirect và Scopus; mua quyền truy cập các CSDL tạp chí và sách Springer Nature, IEEE Xplore, Proquest Central, Sage, InCites, ACS,... phục vụ cộng đồng nghiên cứu. Thường xuyên cập nhật hoạt động thông tin công nghệ tại địa chỉ Techmartvietnam.vn. Số lượng công nghệ, thiết bị được cập nhật 9 tháng đầu năm 2023 là 250 biểu ghi công nghệ, thiết bị; 430 tin tức thị trường CN, TB được cập nhật thường xuyên lên trang Techmart online.

⁸⁶ (i) Đã có hơn 4.800 doanh nghiệp đăng ký sử dụng mã số mã vạch mới; (ii) Thực hiện tốt công tác chuyên môn về cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; duyệt mẫu phương tiện đo, cấp đăng ký hoạt động về lĩnh vực đo lường, cấp thẻ kiểm định viên. Ban hành Quyết định số 366/QĐ-BKHCN ngày 04/3/2023 của Bộ KH&CN về việc công bố bổ sung sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN.

⁸⁷ (i) Tiến hành thanh tra theo kế hoạch 20 tổ chức đăng ký hoạt động lĩnh vực TCĐLCL; (ii) kiểm tra, khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hoá, nhãn hàng hoá trong lưu thông và sử dụng tại 200 cơ sở, với 800 mẫu; kiểm tra, khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hoá, nhãn hàng hoá trong sản xuất tại 250 cơ sở với 350 mẫu; (iii) Kiểm tra chất lượng hàng hóa trong nhập khẩu: xử lý 415 hồ sơ xăng, tổng khối lượng trên 3 triệu tấn; 281 hồ sơ LPG, tổng khối lượng 840.991,314 tấn; 710 hồ sơ dầu nhớt động cơ đốt trong, khối lượng 13.473.255,172 lít.

⁸⁸ Tổ chức Chương trình Tech-Innovation Lào-Việt Nam 2023; Tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest) với quy mô quốc tế tại Hàn Quốc; Đang triển khai tổ chức sự kiện Techfest tại Australia.

⁸⁹ Hiện nay số nhiệm vụ đang thực hiện trong giai đoạn chuyển tiếp của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia là 04 nhiệm vụ trong các lĩnh vực: vật liệu, cơ khí, chế biến gỗ với tổng kinh phí thực hiện trên 304 tỷ đồng trong đó NSNN hỗ trợ 54 tỷ đồng (chiếm 17,9%), doanh nghiệp đối ứng 82,1% tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

⁹⁰ Trong 8 tháng đầu năm 2023, đã tiếp nhận 54.165 đơn, trong đó có 6.435 đơn sáng chế/giải pháp hữu ích (SC/GPHI); xử lý 37.560 đơn, trong đó có 4.591 đơn SC/GPHI; cấp 18.672 văn bằng bảo hộ (VBBH) sở hữu công nghiệp (giảm 43% so với cùng kì 2022), trong đó có 2.562 VBBH SC/GPHI.

⁹¹ Tiếp tục quản lý triển khai 32 nhiệm vụ được bắt đầu triển khai từ năm 2022; Hỗ trợ chuyên môn cho các địa phương triển khai 122 nhiệm vụ từ nguồn kinh phí của tỉnh, trong đó có 21 nhiệm vụ hỗ trợ bảo hộ chỉ dẫn địa lý, 52 nhiệm vụ hỗ trợ bảo hộ, quản lý nhãn hiệu chứng nhận, 45 nhiệm vụ hỗ trợ bảo hộ và quản lý nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP cấp tỉnh, cấp huyện và 04 nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực

(PII)⁹² trên phạm vi toàn quốc từ năm 2023. Tiếp tục duy trì và vận hành có hiệu quả các cổng thông tin về khoa học và công nghệ⁹³.

Trên cổng dịch vụ công quốc gia, tính đến ngày 25/9/2023, số thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến là 4.556 thủ tục; 2.644 dịch vụ công cho công dân; 2.418 dịch vụ công cho doanh nghiệp; số hồ sơ đồng bộ trạng thái xử lý lên cổng Dịch vụ công quốc gia là khoảng 244,9 triệu hồ sơ; số hồ sơ trực tuyến thực hiện qua cổng Dịch vụ công quốc gia là hơn 25,1 triệu hồ sơ.

d) Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Trong tháng⁹⁴, cả nước có 24.110 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (09 trường hợp tử vong); 18.510 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (04 trường hợp tử vong); 52 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (01 trường hợp tử vong) và 42 trường hợp sốt phát ban nghi sởi. Tính chung 9 tháng năm 2023, cả nước có 81.808 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (23 trường hợp tử vong); 70.747 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (21 trường hợp tử vong); 361 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (09 trường hợp tử vong); 11 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu (02 trường hợp tử vong) và 251 trường hợp sốt phát ban nghi sởi.

Công tác tiêm vắc xin phòng dịch Covid-19 tiếp tục được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế đảm bảo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19. Từ ngày 08/3/2021 đến ngày 21/9/2023, tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 266,5 triệu liều, trong đó tiêm mũi 1 là 90,3 triệu liều; tiêm mũi 2 là 85,9 triệu liều; mũi bổ sung là 14,3 triệu liều; mũi nhắc lại lần 1 là 57,9 triệu liều; mũi nhắc lại lần 2 là 17,9 triệu liều.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/9/2023 là 231,5 nghìn người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 113,7 nghìn người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng 9/2023 xảy ra 08 vụ với 381 người bị ngộ độc (3 người tử vong). Tính chung 9 tháng năm 2023, cả nước xảy ra 80 vụ với 1.356 người bị ngộ độc (15 người tử vong).

đ) Các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao

Nhiều chương trình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật tiếp tục được tổ chức để kích cầu, thu hút khách du lịch tại các địa phương⁹⁵. Phong trào thể thao quần

cho các chủ thể quyền.

⁹² Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 có 51 chỉ số, trong đó 13 chỉ số do địa phương cung cấp dữ liệu.

⁹³ Hệ thống hỗ trợ thông tin KH&CN sti.gov.vn; CSDL về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp, về công bố KH&CN Việt Nam; Cổng thông tin khởi nghiệp ĐMST quốc gia; hệ thống tích hợp các CSDL của Bộ KH&CN; cổng thông tin KH&CN Việt Nam (vista.gov.vn); cổng thông tin Chợ công nghệ và thiết bị Việt Nam (techmartvietnam.vn); Hệ thống Chia sẻ dữ liệu nghiên cứu mở (OpenData) phục vụ chia sẻ, dùng chung tại (openscience.vn).

⁹⁴ Theo báo cáo của Bộ Y tế.

⁹⁵ Chương trình nghệ thuật Bản hùng ca bắt từ do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức; Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch các huyện miền núi lần thứ XX năm 2023 tại Quảng Nam từ ngày 15-21/8; Chương trình Giao lưu

chúng tiếp tục được đẩy mạnh, tổ chức rộng khắp, một số hoạt động nổi bật diễn ra trong tháng⁹⁶.

Một số các hoạt động thể thao thành tích cao nổi bật: Kết thúc giải vô địch bắn súng thế giới diễn ra tại Baku, Ai-déc-bai-gian từ ngày 14/8-01/9/2023, Việt Nam xuất sắc dành vé tham dự Olympic Paris 2024 sau khi đứng thứ 5 tại chung kết nội dung 10m súng ngắn hơi nữ Giải bắn súng vô địch thế giới 2023; đội bóng chuyền nữ dành chức vô địch tại giải bóng chuyền nữ Quốc tế VTV Cup Ferrol 2023 được tổ chức tại Nhà thi đấu Lào Cai từ ngày 19/8-26/8/2023; đoàn Thể thao Việt Nam tham dự ASIAD 19 tại Hàng Châu, Trung Quốc từ ngày 23/9-08/10 với 504 thành viên tham gia. Tính đến ngày 29/9, đoàn thể thao Việt Nam tham gia ASIAD 19 đã đạt 12 huy chương (01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 10 huy chương đồng).

e) Về cải cách hành chính

Chính phủ chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả công tác cải cách hành chính, tập trung trọng tâm vào cải cách thủ tục hành chính, cải cách công vụ, công chức, xây dựng vị trí việc làm; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ; sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030:

- Về cải cách thủ tục hành chính: Các bộ đã cắt giảm, đơn giản hóa 2.189 quy định kinh doanh tại 175 văn bản quy phạm pháp luật; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1.099 quy định của 10 bộ, cơ quan; các bộ đã công khai, cập nhật hơn 17,8 nghìn quy định kinh doanh trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh; việc số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính và cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử tại bộ, ngành đạt 22,8% (tăng 11% so với năm 2022), tại các địa phương là 32% (tăng 20% so với năm 2022); 63/63 địa phương đã hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến được cải thiện rõ rệt: có 68,8% thủ tục hành chính đã cung cấp trực tuyến, trong đó, bộ, ngành đạt 55,7% TTHC đã cung cấp với 82% hồ sơ trực tuyến (tăng 1,5 lần so với năm 2022); địa phương có 68,9% TTHC đã cung cấp với 61,36% hồ sơ trực tuyến (tăng 1,7 lần so với năm 2022).

Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản năm 2023 tại Hội An, Đắc Lắc; Chương trình giao lưu nghệ thuật Việt Nam - Ấn Độ tại Lào Cai; Lễ hội Trà Shan tuyết "Tinh hoa giữa ngàn mây" huyện Văn Chấn (Yên Bái) lần thứ Nhất năm 2023 diễn ra từ ngày 22-28/9/2023.

⁹⁶ Giải chạy Quảng Điền Half Marathon lần thứ nhất năm 2023 diễn ra tại Thừa Thiên-Huế trong ngày 03/9/2023 thu hút gần 300 vận động viên tham gia; giải BRG Open Golf Championship Danang 2023 diễn ra tại Đà Nẵng từ ngày 31/8-02/9/2023 với sự góp mặt của 144 golfer đến từ 12 quốc gia trên thế giới; giải chạy marathon diễn ra tại Hạ Long trong ngày 10/9/2023 thu hút 11 nghìn vận động viên tham gia; giải Hà Nội Marathon Techcombank 2023 mùa thứ 2 diễn ra tại Hà Nội từ ngày 15/9-17/9/2023 thu hút 9 nghìn vận động viên tham gia; giải Cúp quốc gia Cầu cá thể thao Việt Nam - Cúp MIDI năm 2023 diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh từ 16/9-17/9/2023 thu hút hơn 100 cầu thủ tham dự.

- Về hoàn thiện thể chế công vụ, công chức, xây dựng vị trí việc làm:

Chính phủ đã ban hành nhiều thể chế, chính sách quan trọng, khơi thông nhiều điểm nghẽn, khắc phục nhiều khó khăn, vướng mắc trong chế độ công vụ, công chức góp phần đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức viên chức, đặc biệt là tháo gỡ cơ bản những khó khăn, vướng mắc đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố⁹⁷; triển khai Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030; hoàn thiện trình các cấp có thẩm quyền về kết quả và lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương về việc bổ sung biên chế giáo viên năm học 2023 - 2024 cho địa phương; tập trung công tác thanh tra, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương về công vụ, công chức, cải cách hành chính nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và cải thiện, tháo gỡ bất cập, vướng mắc của địa phương.

Các bộ, cơ quan ngang bộ đang khẩn trương phối hợp xây dựng, ban hành các Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm để đẩy nhanh việc xác định vị trí việc làm là cơ sở để tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức và xây dựng chế độ tiền lương mới. Đến nay đã có 16/20 bộ, cơ quan ngang bộ⁹⁸ ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành; 08/15 Bộ, cơ quan ngang Bộ⁹⁹ ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành.

- Về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030:

Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12/7/2023 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Ngay sau đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 về Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội

⁹⁷ Các Văn bản được Chính phủ ban hành gồm: (1) Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; (2) Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; (3) Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 về tinh giản biên chế; (4) Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; (5) Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; (6) Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (7) Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

⁹⁸ 16 Bộ đã ban hành gồm: (1) Bộ Nội vụ; (2) Bộ Giao thông vận tải; (3) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (4) Bộ Công Thương; (5) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (6) Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (7) Bộ Ngoại giao; (8) Bộ Khoa học và Công nghệ; (9) Ủy ban Dân tộc; (10) Bộ Tài nguyên và Môi trường; (11) Bộ Tư pháp; (12) Bộ Thông tin và Truyền thông; (13) Bộ Tài chính; (14) Văn phòng Chính phủ; (15) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (16) Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁹⁹ 08 Bộ đã ban hành gồm: (1) Bộ Nội vụ; (2) Bộ Giao thông vận tải; (3) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (4) Bộ Công Thương; (5) Bộ Y tế; (6) Bộ Khoa học và Công nghệ; (7) Bộ Thông tin và Truyền thông; (8) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

ng nghị trực tuyến toàn quốc¹⁰⁰ chỉ đạo quyết liệt, sâu sắc việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030; Chính phủ và các Bộ, cơ quan liên quan đã khẩn trương hoàn thiện, ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật¹⁰¹, văn bản hướng dẫn¹⁰² triển khai thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ¹⁰³, theo đó các địa phương đang khẩn trương thành lập Ban Chỉ đạo; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện và Phương án sắp xếp tổng thể, bảo đảm lộ trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (giai đoạn 1) hoàn thành trong năm 2024 để kịp tổ chức đại hội Đảng các cấp vào năm 2025.

g) Về thông tin, truyền thông

Trong tháng, tập trung thông tin kịp thời các hoạt động chính trị - xã hội, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm thông tin nhanh, nhạy, kịp thời, đúng định hướng; tạo sự đồng thuận để người dân tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các hoạt động kinh tế - xã hội, các hoạt động đối nội, đối ngoại của các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước,... Bám sát, thông tin đầy đủ về các vấn đề: dân sinh; an toàn thực phẩm; thông tin về tình hình an toàn giao thông, an ninh, trật tự; phòng, chống hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội... Đảm bảo thông tin nhanh, nhạy, kịp thời đến người dân.

Công tác bảo đảm thông tin liên lạc, an toàn thông tin được thực hiện hiệu quả. Mạng viễn thông, hạ tầng kết nối, trung chuyển Internet, các hệ thống kỹ thuật tên miền, tài nguyên Internet quốc gia hoạt động ổn định, thông tin liên lạc được đảm bảo thông suốt, an toàn.

h) Về tình hình phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ

- *Hậu quả do thiên tai*: Thiệt hại do thiên tai trong tháng chín chủ yếu là mưa lớn, sạt lở đất làm 17 người chết và mất tích; 12 người bị thương; 4,1 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; 1,2 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong tháng là 500,9 tỷ đồng, giảm 35% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm nay, thiên tai làm 98 người chết và mất tích; 103 người bị thương; 84,9 nghìn ha lúa và 25,5 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; gần 17,3

¹⁰⁰ Văn phòng Chính phủ đã ban hành Thông báo Kết luận số 350/TB-VPCP ngày 24/8/2023.

¹⁰¹ Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định: (1) Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP về hướng dẫn việc lấy ý kiến nghị cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính; (2) Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

¹⁰² Tất cả các Bộ được phân công đã hoàn thành việc ban hành Văn bản hướng dẫn

¹⁰³ Do Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang làm Trưởng ban Chỉ đạo

nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; hơn 17,4 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong 9 tháng năm 2023 ước tính gần 2.547,8 tỷ đồng, giảm 61,5% so với cùng kỳ năm trước.

- *Bảo vệ môi trường*: Trong tháng 9/2023, cơ quan chức năng đã phát hiện 1.174 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 1.089 vụ với tổng số tiền phạt 19,1 tỷ đồng, giảm 11,9% so với tháng trước và giảm 16,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm nay đã phát hiện 13.214 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 11.793 vụ với tổng số tiền phạt là 217,5 tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước.

- *An toàn giao thông*: Trong tháng (từ 15/8 đến 14/9/2023), trên địa bàn cả nước đã xảy ra 1.231 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 894 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 337 vụ va chạm giao thông, làm 641 người chết, 510 người bị thương và 367 người bị thương nhẹ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Chín tăng 4,4% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 1,9% và số vụ va chạm giao thông tăng 11,6%); số người chết giảm 7,9%; số người bị thương tăng 8,1% và số người bị thương nhẹ tăng 9,2%. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Chín tăng 49,2% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 59,6% và số vụ va chạm giao thông tăng 27,2%); số người chết tăng 46,3%; số người bị thương tăng 66,1% và số người bị thương nhẹ tăng 30,1%.

Tính chung 9 tháng năm 2023, trên địa bàn cả nước xảy ra 8.338 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 6.077 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 2.261 vụ va chạm giao thông, làm 4.765 người chết, 3.359 người bị thương và 2.443 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 9 tháng năm nay tăng 0,3% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 5%; số vụ va chạm giao thông giảm 10,6%); số người chết tăng 1,1%; số người bị thương tăng 13,4% và số người bị thương nhẹ giảm 5,4%. Bình quân 1 ngày trong 9 tháng năm 2023, trên địa bàn cả nước xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông, gồm 22 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 8 vụ va chạm giao thông, làm 17 người chết, 12 người bị thương và 9 người bị thương nhẹ.

- *Phòng chống cháy, nổ*: Trong tháng¹⁰⁴, cả nước xảy ra 199 vụ cháy, nổ, làm 63 người chết và 51 người bị thương, thiệt hại ước tính 9,8 tỷ đồng, giảm 89,3% so với tháng trước và giảm 34,3% so với cùng kỳ năm trước. Vụ cháy tại chung cư mini xảy ra ngày 12/9/2023 tại số 37, ngách 29/70 Khương Hạ, Hà Nội khiến 56 người thiệt mạng và 37 người bị thương. Tính chung 9 tháng năm 2023, trên địa bàn cả nước xảy ra 1.485 vụ cháy, nổ, làm 132 người chết và 115 người bị thương, thiệt hại ước tính 210,5 tỷ đồng, giảm 60,8% so với cùng kỳ năm trước.

¹⁰⁴ Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/9/2023.

9. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Toàn quân duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, quản lý, nắm chắc tình hình, kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp, đối sách xử lý phù hợp, không để bị động, bất ngờ; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ các tuyến biên giới, biển, đảo; tích cực, chủ động tham gia phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng an ninh, nhất là trên các tuyến biên giới, biển đảo, địa bàn chiến lược, trọng điểm.

Chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa – tư tưởng, an ninh thông tin, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh tại các địa bàn chiến lược. Tập trung trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, các vi phạm pháp luật trên không gian mạng, các hành vi tung tin xấu, độc, sai sự thật. Làm tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đẩy nhanh tiến độ, kết thúc điều tra, đề nghị truy tố, đưa ra xét xử các vụ án, xử lý các việc trọng điểm thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tiêu cực theo dõi, chỉ đạo. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Giữ vững độc lập, tự chủ, xử lý cân bằng, hài hòa quan hệ với các nước lớn, duy trì quan hệ ổn định, thuận lợi với các đối tác quan trọng. Các hoạt động đối ngoại được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm. Tiếp tục thúc đẩy quan hệ với các nước láng giềng, bạn bè truyền thống, nước lớn và các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu; kết hợp chặt chẽ đối ngoại song phương và đối ngoại đa phương. Tích cực triển khai công tác ngoại giao kinh tế, trọng tâm là hỗ trợ, mở rộng thị trường xuất khẩu, thúc đẩy du lịch thành động lực tăng trưởng. Triển khai kịp thời, hiệu quả công tác ngoại giao văn hóa, công tác về người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân.

Trong tháng 9, đã tổ chức tiếp đón thành công chuyến thăm cấp nhà nước của Tổng thống Mỹ Joe Biden tới Việt Nam; hai bên đã thống nhất nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững. Đồng thời, tổ chức các hoạt động ngoại giao bên lề, Hội nghị cấp cao Việt Nam - Hoa Kỳ về đầu tư và đổi mới sáng tạo, có sự tham gia của các doanh nghiệp lớn của 2 nước. Tổ chức nhiều hoạt động ngoại giao cấp cao như Thủ tướng Chính phủ đã thăm chính thức Trung Quốc, Mỹ, Brazil, Chủ tịch Quốc hội thăm chính thức Băng-la-đét, Bun-ga-ry, Phó Chủ tịch nước thăm và làm việc tại Nam Phi, Mô-dăm-bích...; thực hiện nhiều hoạt động quan trọng về ngoại giao, hợp tác kinh tế,

thương mại, đầu tư... Qua đó, mở ra nhiều cơ hội mới, phát huy tiềm năng hợp tác với các đối tác, doanh nghiệp, người dân, cả về kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hóa, đào tạo nhân lực, môi trường, chính trị, ngoại giao...; phát triển các ngành, lĩnh vực mới như chip, bán dẫn, chuyển đổi số, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hóa, y tế, giáo dục, lao động...

10. Nguyên nhân

Những kết quả đạt được là nhờ sự lãnh đạo của Đảng; sự đồng hành, phối hợp chặt chẽ của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sát sao, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, ngành, địa phương, nắm chắc tình hình, yêu cầu thực tiễn, có giải pháp, chính sách phù hợp, kịp thời, hiệu quả; tập trung tháo gỡ rào cản, khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phục hồi, phát triển KTXH.

Những khó khăn, hạn chế có nguyên nhân lớn nhất là do tình hình thế giới phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn, thách thức. Việc nắm bắt và dự báo tình hình chưa sát; phản ứng chính sách của một số cơ quan, địa phương còn chậm, chưa kịp thời, chưa tận dụng hết các cơ hội phục hồi và phát triển. Một số cơ chế, chính sách, quy định và công tác tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn hạn chế, bất cập, hiệu quả chưa cao. Việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý trong một số trường hợp chưa kịp thời, nhất là những vấn đề phát sinh mới; còn có tình trạng tư tưởng trông chờ, ỷ lại, ngại khó. Thủ tục hành chính còn rườm rà, ách tắc; phân cấp, phân quyền còn vướng mắc; trách nhiệm của người đứng đầu, người có thẩm quyền trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ. Tâm lý né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong một số trường hợp và trong một bộ phận cán bộ, công chức chưa được khắc phục hiệu quả.

11. Bài học kinh nghiệm

- Quán triệt, nghiêm túc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, hiệu quả và có sự vào cuộc với quyết tâm cao, nỗ lực lớn của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

- Nắm chắc tình hình thế giới, trong nước, bám sát thực tiễn, phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên, quyết tâm cao, đổi mới sáng tạo. Phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, xử lý kịp thời, hiệu quả các vấn đề nội tại và vấn đề phát sinh.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tập trung cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy nhanh các dự án hạ tầng trọng điểm; điều hành đồng bộ, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các chính sách, xác định rõ ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm.

- Giữ vững kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Lấy con người là trung tâm, là chủ thể, là động lực, là nguồn lực quan trọng nhất và là mục tiêu của sự phát triển. Phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội. Thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân.

***Nhìn chung,** kinh tế vĩ mô tháng 9 và 09 tháng cơ bản ổn định và tiếp tục duy trì chuyển biến tích cực. Nền kinh tế dần lấy lại đà tăng trưởng, quý sau tăng nhanh hơn quý trước, tháng sau tích cực hơn tháng trước; ứng phó, thích ứng hiệu quả hơn với khó khăn, thách thức, bối cảnh, tình hình mới của thế giới và trong nước; tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện các mục tiêu, chủ trương, chính sách phát triển đất nước cả trong ngắn hạn, trung và dài hạn.*

Tuy nhiên, khó khăn, thách thức đặt ra còn lớn, phụ thuộc nhiều vào xu hướng, bối cảnh chung toàn cầu, nên khó có thể chuyển biến nhanh trong ngắn hạn; tạo rủi ro, sức ép lên điều hành tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, tỷ giá, các cân đối lớn về NSNN, đầu tư, tiêu dùng, an sinh xã hội... Do đó, cần tiếp tục chỉ đạo, điều hành quyết liệt, chủ động, nhịp nhàng, chặt chẽ, đồng bộ các chính sách, cả ngắn hạn và dài hạn, tranh thủ thời gian, tận dụng mọi cơ hội để tạo bứt phá ngay trong nội tại nền kinh tế, thúc đẩy các động lực mới về kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn... nhằm phục hồi tăng trưởng nhanh và bền vững.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC

1. Diễn biến kinh tế thế giới và khu vực

Kinh tế thế giới xuất hiện dấu hiệu tích cực hơn, tuy nhiên tiếp tục đối mặt nhiều rủi ro, thách thức, nhất là lạm phát, bất ổn tài chính, tiền tệ do điều chỉnh chính sách ở các nền kinh tế lớn, mức nợ công cao ở nhiều nước đang phát triển, tác động từ chiến sự Nga-Ukraine, thị trường năng lượng, lương thực xuất hiện những bất ổn mới.... Chỉ số PMI tổng hợp toàn cầu giảm từ 51,6 trong tháng 7/2023 xuống 50,6 trong tháng 8/2023, cho thấy xu hướng mở rộng chậm lại của nền kinh tế toàn cầu. Hoạt động sản xuất tiếp tục thu hẹp tháng thứ 3 liên tiếp trong khi hoạt động dịch vụ vẫn tiếp tục mở rộng (đạt 51.1 điểm trong tháng 8, giảm từ mức 52,7 điểm của tháng 7) song đây là mức thấp nhất kể từ tháng 1/2023.

Giá năng lượng phục hồi kể từ tháng 7/2023, trong đó giá dầu thô toàn cầu đã tăng mạnh, đạt mức cao nhất trong 9 tháng¹⁰⁵, chủ yếu do kinh tế toàn cầu lạc quan hơn dự kiến, và nguồn cung bị hạn chế khi các nước OPEC+ đã thống nhất tự nguyện cắt giảm sản lượng với mục tiêu hỗ trợ giá. Trong khi đó, giá lương thực có xu hướng hạ nhiệt. Chỉ số giá thực phẩm FAO đạt trung bình 121,4 điểm trong tháng 8/2023, giảm 2,1% so với tháng 7 và thấp hơn tới 24% so với mức đỉnh tháng 3/2022.

Các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 tăng nhẹ so với các dự báo đầu năm 2023. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tháng 8/2023 dự báo kinh tế toàn cầu tăng trưởng 3% trong năm 2023 (cao hơn 0,2% so với dự báo tháng 4), nguy cơ suy thoái sâu giảm bớt (ít khả năng tăng trưởng toàn cầu giảm xuống dưới 2%) nhưng cảnh báo các rủi ro, thách thức vẫn ở phía trước. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể đạt 3%, điều chỉnh tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2023. Ngân hàng Thế giới (WB) nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 lên 2,1%, từ mức 1,7% đưa ra hồi tháng 1/2023. Một số tổ chức tiếp tục nhấn mạnh nguy cơ kinh tế thế giới bước vào giai đoạn tăng trưởng trì trệ, kéo dài. Các tiêu chuẩn mới trong thương mại và đầu tư quốc tế đang dần định hình theo hướng gắn thương mại và đầu tư với các tiêu chí về giảm phát thải các-bon, phát triển bền vững, lao động, quản trị,...

Kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì động lực tăng trưởng. Tăng trưởng GDP của Mỹ trong quý II/2023 được điều chỉnh xuống mức 2,1% so với mức 2,4% được đưa ra trong báo cáo trước đó (với lý do các doanh nghiệp thanh lý hàng tồn kho), nhưng động lực của nền kinh tế đã phục hồi, nhất là thị trường lao động được thắt chặt thúc đẩy chi tiêu của người tiêu dùng với sự gia tăng đầu tư cố định phi dân cư, chi tiêu của chính phủ. Lạm phát của Mỹ tháng 8 tăng do giá xăng tăng, tuy nhiên, lạm phát cơ bản, loại bỏ giá thực phẩm và năng lượng dễ biến động, tiếp tục chậm lại. Chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 3,7% trong tháng 8 so với một năm trước đó và tăng 3,2% so với tháng 7, song, lạm phát lõi đã giảm xuống 4,3% từ 4,7% trong 12 tháng tính đến tháng 8, tốc độ chậm nhất kể từ tháng 9 năm 2021 và là dấu hiệu cho thấy 11 lần tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang đang có tác dụng đối với nền kinh tế. Mặc dù vậy, tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ lên mức 3,8% trong tháng 8/2023, tăng 0,3% so với tháng 7 với số lượng người thất nghiệp là 514.000 người. Với kết quả này, nền kinh tế Mỹ đã cho thấy khả năng phục hồi khả quan, bất chấp

¹⁰⁵ Giá dầu Brent trong phiên giao dịch ngày 19/9 lần đầu tiên vượt mức 95 USD/thùng kể từ tháng 11/2022 do dự báo thâm hụt nguồn cung ngày càng lớn trong quý IV/2023 sau khi Saudi Arabia và Nga gia hạn thỏa thuận cắt giảm sản lượng (từ đầu tháng 9/2023, 2 nước này đã gia hạn lệnh cắt giảm sản lượng, tổng cộng 1,3 triệu thùng/ngày) và sự lạc quan về nhu cầu phục hồi ở Trung Quốc. EIA (9/2023) cảnh báo động thái hạn chế sản xuất của Saudi Arabia và Nga có thể sẽ dẫn đến tình trạng sụt giảm nguồn cung đáng kể của thế giới trong quý IV/2023, dự trữ dầu sẽ ở mức thấp nghiêm trọng, làm tăng nguy cơ xảy ra một đợt biến động khác không có lợi cho cả nhà sản xuất lẫn người tiêu dùng, trong bối cảnh môi trường kinh tế mong manh.

các đợt tăng lãi suất của Fed, trong khi hầu hết các dự báo đều cho rằng nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ suy giảm vào thời điểm đầu năm 2023. Trong tháng 9/2023, Cục Dự trữ Liên bang (FED) đã giữ phạm vi mục tiêu cho lãi suất quỹ liên bang ở mức cao nhất trong 22 năm là 5,25%-5,5%, song vẫn để ngỏ khả năng giữ lãi suất ở mức cao trong thời gian tới để kiềm chế lạm phát.

Kinh tế Trung Quốc phục hồi ổn định hơn. Sản xuất phục hồi trong tháng 8/2023, chỉ số PMI sản xuất tại Trung Quốc đạt 51,0 điểm vào tháng 8/2023, tốc độ mở rộng hoạt động nhà máy mạnh nhất kể từ tháng 2/2023. Sản xuất công nghiệp Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2022, so với mức tăng 3,7% trong tháng 7/2023. Doanh số bán lẻ tháng 8/2023 tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2022, so với mức tăng trưởng 2,5% của tháng 7/2023. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc xuất siêu 553,4 tỷ USD, với xuất khẩu giảm 5,6% và nhập khẩu giảm 7,6%. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị của Trung Quốc giảm xuống 5,2% vào tháng 8/2023 từ mức 5,3% trong tháng 7/2023. Để hỗ trợ cho nền kinh tế, chính phủ Trung Quốc đã thực hiện nhiều biện pháp bao gồm nới lỏng chính sách tiền tệ, giảm yêu cầu trả trước đối với các khoản thế chấp, dỡ bỏ các hạn chế về giá đối với việc mua nhà ở một số thành phố và tăng cường chi tiêu cho đầu tư cơ sở hạ tầng. Ngoài ra, chính phủ đã cung cấp các khoản trợ cấp để hoàn thành các dự án khu dân cư bị đình trệ. Trong phiên họp tháng 9/2023, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) quyết định không điều chỉnh lãi suất cho vay để đánh giá tác động của các biện pháp nới lỏng trước đó, bao gồm việc cắt giảm lãi suất vào tháng 8 và việc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng. Lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn một năm (áp dụng cho các khoản vay của doanh nghiệp và hộ gia đình) được giữ nguyên ở mức thấp kỷ lục 3,45%; và lãi suất 5 năm (một tham chiếu cho các khoản thế chấp) được giữ ở mức 4,2% trong tháng thứ ba liên tiếp.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng thấp hơn dự báo. Dữ liệu điều chỉnh GDP công bố trong tháng 9/2023 cho thấy tăng trưởng GDP trong quý II/2023 chỉ đạt 4,8%, thấp hơn so với ước tính sơ bộ 6,0% đưa ra trước đó và thấp hơn dự báo của thị trường (tăng 5,5%). Lạm phát cơ bản đã giảm xuống mức thấp nhất trong 4 tháng là 3,1% trong tháng 7/2023, từ mức 3,3% trong tháng 6/2023, nhưng vẫn trên mức mục tiêu 2% của Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) trong tháng thứ 16 liên tiếp. Tiêu dùng tư nhân, động lực tăng trưởng của nền kinh tế đã giảm 0,6% so với quý trước. Xuất khẩu hàng hóa của Nhật Bản sang Trung Quốc cũng ghi nhận mức giảm 13,4% trong tháng 7 - tháng giảm thứ 8 liên tiếp. Trong nửa đầu tháng 8, xuất khẩu của Nhật Bản giảm 5,0% so với cùng kỳ năm trước sau khi đã giảm 0,3% trong tháng 7, cho thấy động lực chậm lại của nền kinh tế toàn cầu đang tiếp tục gây thiệt hại cho nền kinh tế Nhật Bản. Ngân hàng Trung ương Nhật Bản

(BOJ) đã duy trì lãi suất ngắn hạn chủ chốt ở mức -0,1%; lãi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm khoảng 0%; đồng thời, quyết định thực hiện chính sách kiểm soát đường cong lợi suất linh hoạt hơn trong bối cảnh nỗ lực cải thiện tính bền vững của chính sách kích thích kinh tế. Với sự khác biệt giữa chính sách tiền tệ của Mỹ và Nhật Bản ngày càng rõ rệt, đồng Yên Nhật vẫn ở mức thấp (148 Yên đổi 1 USD, mức thấp nhất kể từ đầu tháng 11/2022).

Kinh tế EU trì trệ khi chính sách tiền tệ tiếp tục thắt chặt. Kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu tăng trưởng 0,6% trong quý II/2023 so với cùng kỳ năm 2022, giảm nhẹ so với mức tăng trưởng 1,1% trong quý I/2023. Tỷ lệ lạm phát giá tiêu dùng ở Khu vực đồng Euro đạt mức 5,2% vào tháng 8/2023, mức thấp nhất kể từ tháng 01/2022. Trên cơ sở hàng tháng, CPI tăng 0,5%. Lĩnh vực sản xuất duy trì xu hướng thu hẹp, chỉ số PMI sản xuất của Khu vực giảm xuống mức 43,5 trong tháng 8/2023, tăng từ mức thấp nhất trong 38 tháng của tháng 7/2023 là 42,7. Tổng số đơn đặt hàng mới và hoạt động kinh doanh xuất khẩu mới giảm ở mức kỷ lục và lượng công việc tồn đọng cũng giảm mạnh. Xuất nhập khẩu hàng hóa ra thế giới tháng 7/2023 giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước, nhập khẩu giảm 18,2% so với tháng 7/2022. Thương mại nội vùng giảm 7,9% trong tháng 7/2023 so với cùng kỳ năm trước. ECB tháng 9/2023 đã cắt giảm dự báo tăng trưởng năm 2023 từ 0,9% xuống 0,7% và từ 1,5% xuống 1% cho năm 2024. Trong tháng 9/2023, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định tăng lãi suất lần thứ 10 liên tiếp, và đề ngỏ khả năng có thể sẽ thực hiện chính sách thắt chặt do lạm phát đã bắt đầu giảm. Theo đó, lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay được nâng lên mức cao kỷ lục, lần lượt là 4% và 4,5%.

2. Dự báo tình hình kinh tế trong nước

Các tổ chức quốc tế tiếp tục đánh giá khá tích cực về triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ở mức 4,9%, giảm 1,5 điểm phần trăm so với dự báo tháng 3/2023. Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt mức 4,7% trong năm 2023. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hạ dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam từ mức 5,8% (tháng 4/2023) về mức 4,7% trong năm 2023. HSBC đánh giá triển vọng FDI và thương mại trong ngắn hạn của Việt Nam sẽ phục hồi tốt. ADB dự báo kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi nhanh trong thời gian tới, đạt mức 5.8% trong năm 2023. Goldman Sachs nhận định dòng vốn FDI toàn cầu đang rời Trung Quốc, Việt Nam có cơ hội gia tăng vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Fitch Ratings nhận định rủi ro tín dụng và thanh khoản của thị trường bất động sản Việt Nam đã qua giai đoạn đỉnh điểm.

Trong thời gian tới, Việt Nam có nhiều triển vọng cải thiện tốc độ tăng trưởng qua thúc đẩy đầu tư công, tiêu dùng, du lịch; gia tăng đóng góp của số hóa, công nghệ cao vào tăng trưởng, đẩy mạnh quá trình chuyển đổi xanh, tận dụng xu hướng chuyển dịch dòng vốn đầu tư nước ngoài... Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với không ít rủi ro, biến động phức tạp, khó lường như: (i) sự phục hồi chậm của các đối tác thương mại lớn; (ii) áp lực lạm phát toàn cầu được đánh giá sẽ chậm lại nhưng vẫn ở mức cao; (iii) xu hướng tiếp tục thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia nhằm kiềm chế lạm phát; (iv) rủi ro gián đoạn trong chuỗi giá trị toàn cầu; (v) an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, bão lũ, hạn hán... tiếp tục là các vấn đề cần quan tâm.

IV. CẬP NHẬT KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG QUÝ III VÀ CẢ NĂM 2023

Trên cơ sở kết quả 09 tháng, dự báo bối cảnh, tình hình thế giới, trong nước thời gian tới, các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư quan trọng của nước ta còn gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng thấp, kịch bản tăng trưởng¹⁰⁶ Quý IV và cả năm 2023 cập nhật như sau:

Kịch bản 1: Tăng trưởng kinh tế cả năm khoảng 5,0%, quý IV cần tăng 7,0% (quý IV năm 2022 tăng 5,92%).

Kịch bản 2: Tăng trưởng kinh tế cả năm khoảng 5,5%, quý IV cần tăng 8,8%.

Kịch bản 3: Tăng trưởng kinh tế cả năm khoảng 6%, quý IV cần tăng 10,6%.

Tăng trưởng quý IV phụ thuộc nhiều vào tốc độ phục hồi sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo; sự gia tăng nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu lớn, chủ lực của Việt Nam, hoạt động du lịch, tiêu dùng trong nước trong dịp cuối năm và cận kề Tết Nguyên đán 2024, là cơ sở để xuất khẩu, thị trường trong nước tăng trưởng nhanh hơn.

Các kịch bản đặt ra đều rất khó khăn, thách thức, yêu cầu sự chủ động, nỗ lực, quyết tâm cao của các cấp, ngành, địa phương triển khai các giải pháp, chính sách thúc đẩy mạnh tăng trưởng, phát huy hiệu quả mọi nguồn lực, tranh thủ tối đa thời cơ, cơ hội từ cả bên ngoài và bên trong nền kinh tế để phấn đấu đạt kết quả tăng trưởng cao nhất trong quý IV, đặc biệt là tạo đà cho năm 2024 và các năm tiếp theo.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện hiệu quả, thực chất, toàn diện, nhất quán các Nghị quyết, Kết luận của Đảng, Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP,

¹⁰⁶ Ngân hàng Thế giới (WB, tháng 6/2023) nhận định tăng trưởng toàn cầu sẽ chậm lại ở mức 2,1% trong năm 2023 so với mức 3,1% của năm 2022; trong khi Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD, tháng 6/2023) dự báo kinh tế toàn cầu năm 2023 tăng 2,7%; Liên hợp quốc (UNDESA) dự báo tăng 2,3%; Fitch Ratings dự báo tăng 2,4%; Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF, tháng 7/2023) dự báo tăng 3%. IMF (tháng 6/2023) dự báo tăng trưởng năm 2023 của EU đạt 0,9%; Mỹ đạt 1,8%; Nhật Bản đạt 1,4%; Trung Quốc đạt 5,2%

số 105/NQ-CP, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ động ứng phó, thích ứng với tình hình, xử lý công việc theo thẩm quyền; thúc đẩy mạnh các động lực tăng trưởng về xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng trong nước, gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, an sinh xã hội; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp trong trung và dài hạn, 03 đột phá chiến lược...

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu, kiến nghị nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới của từng bộ, cơ quan (*chi tiết tại Phụ lục số II*); trong đó, lưu ý một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

(1) Chuẩn bị chu đáo, tổ chức thực hiện các công việc, bảo đảm tiến độ, chất lượng các nội dung phục vụ Hội nghị Trung ương 8, Kỳ họp thứ 6 của Quốc hội; tiếp tục triển khai nhanh, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, các Luật, Nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 5.

(2) Tập trung tổ chức, thực thi một cách quyết liệt, tổng thể và đồng bộ từ tất cả các cấp, ngành, địa phương các giải pháp, chính sách đã ban hành để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, các ngành, lĩnh vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là các chính sách về thuế, phí, tiền tệ, thương mại, đầu tư. Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền tiếp tục thực hiện các chính sách giảm thuế, phí, lệ phí trong năm 2024; trong đó, có chính sách giảm thuế suất thuế GTGT như Nghị quyết số 101/2023/QH15 cho 6 tháng đầu năm 2024 nếu tình hình vẫn còn khó khăn.

(3) **Tập trung thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường trong nước.** Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác hiệu quả thị trường nội địa, tranh thủ cơ hội đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa dịp cuối năm và Tết Nguyên đán năm 2024; đẩy mạnh cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, kết nối cung cầu trong nước... Thúc đẩy phát triển du lịch bền vững, tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch trong nước, thu hút khách du lịch quốc tế; phát triển các sản phẩm du lịch mới, giá trị gia tăng cao.

(4) **Tranh thủ tối đa cơ hội, xu hướng phục hồi của các thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu.** Kịp thời thông tin về thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng nhanh, kịp thời các tiêu chuẩn mới của nước đối tác xuất khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu các nhóm hàng chủ lực, tranh thủ cơ hội xuất khẩu từ FTA đã ký kết, FTA với Israel; tháo gỡ ách tắc, khắc phục "thẻ vàng" (IUU) của ngành thủy sản; hỗ trợ doanh nghiệp thông quan hàng hóa qua cửa khẩu Trung Quốc, thực hiện chính ngạch, đặc biệt là các nhóm hàng nông sản. Tạo thuận lợi hoá thương mại, thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics, qua đó giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh cho hàng xuất khẩu.

Đẩy nhanh đàm phán, ký kết Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam -

UAE, các FTA với Brazil, Khối thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR)...., khai thác thị trường ngành thực phẩm Halal, nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu mới, tiềm năng.

(5) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trong bối cảnh thuế tối thiểu toàn cầu; tăng cường xúc tiến, thu hút dự án FDI có quy mô lớn, công nghệ cao, nhất là trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, bán dẫn, Hydrogen; tập trung giải quyết vướng mắc, nhất là về cơ chế, chính sách ưu đãi, thủ tục pháp lý, mặt bằng... để đẩy nhanh triển khai dự án đầu tư tại Việt Nam.

Triển khai quyết liệt, kịp thời, hiệu quả hơn nữa các giải pháp để tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho doanh nghiệp, người dân trong đó có gói tín dụng 120 nghìn tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản theo Nghị quyết số 33/NQ-CP.

Theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, chủ động ứng phó với các diễn biến, yếu tố rủi ro có thể phát sinh; phát huy hiệu quả sàn giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, nghiên cứu thành lập sàn giao dịch bất động sản...

Tiếp tục tập trung xử lý các ngân hàng yếu kém, dự án, doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả. Phát huy cao nhất hiệu quả nguồn lực đầu tư của tập đoàn, tổng công ty nhà nước để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tiếp tục đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc về cung ứng vật liệu xây dựng (đất, cát, đá...), chuyển mục đích sử dụng đất rừng, giải phóng mặt bằng... để đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, cao tốc liên vùng; rà soát, đầu tư hoàn thiện các tuyến đường gom, nút giao kết nối để phát huy tối đa hiệu quả các tuyến cao tốc đã đưa vào khai thác. Bảo đảm an toàn và tiến độ thi công công trình trong mùa thiên tai, mưa lũ hiện nay.

Bảo đảm tiến độ công tác quy hoạch, triển khai nhanh, hiệu quả Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch đã ban hành; phát huy hiệu quả các Hội đồng điều phối vùng, thúc đẩy liên kết vùng gắn với tăng cường xúc tiến đầu tư.

(6) Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp luật, cải cách hành chính, thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, rà soát, sửa đổi các quy định, điều kiện kinh doanh không cần thiết, không phù hợp với thực tiễn, khả năng áp dụng của doanh nghiệp. Tiếp tục phát huy hiệu quả các Tổ công tác của bộ, địa phương để đẩy mạnh cải

cách thủ tục hành chính của bộ, địa phương; cơ chế Thành viên Chính phủ làm việc với các địa phương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm thực chất, hiệu quả. Đẩy mạnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã, thực hiện cải cách tiền lương; khẩn trương ban hành quy định bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

(7) Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế: (i) theo dõi sát tình hình thế giới, trong nước để có phản ứng chính sách chủ động, kịp thời trước các tình huống phát sinh; (ii) điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; ổn định thị trường ngoại hối, điều hành tỷ giá phù hợp với diễn biến thị trường, nhất là trước áp lực tăng giá đồng USD từ bên ngoài; bảo đảm thanh khoản, an toàn hệ thống ngân hàng; (iii) tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, khai thác các nguồn thu còn dư địa, tiềm năng, tăng cường ứng dụng công nghệ số nâng cao hiệu quả quản lý thu; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, bảo đảm nguồn lực thực hiện các giải pháp thuế, phí... hỗ trợ doanh nghiệp, nền kinh tế; (iv) nghiên cứu, thực hiện lộ trình điều chỉnh giá điện, dịch vụ y tế, giáo dục... theo mức độ, thời điểm phù hợp, hạn chế tối đa tác động lên lạm phát, sản xuất kinh doanh, đời sống người dân; (v) tăng cường quản lý giá và bảo đảm nguồn cung xăng dầu, cung ứng đủ điện cho sản xuất kinh doanh, sinh hoạt; tập trung phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, điện mặt trời mái nhà theo Quy hoạch điện VIII; (v) đánh giá nhu cầu, khả năng đáp ứng của thị trường để có giải pháp sản xuất, điều tiết hàng hóa phù hợp, bảo đảm nguồn cung phục vụ Tết Nguyên đán 2024.

(8) Thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế, tranh thủ các cơ hội mới từ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ để thu hút các tập đoàn đa quốc gia: đầu tư, hợp tác hình thành hệ sinh thái chip, bán dẫn, sản xuất linh kiện, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực công nghệ cao; xây dựng Trung tâm bảo dưỡng thiết bị, máy móc máy bay quy mô khu vực; phối hợp với Trung tâm Đối mới sáng tạo quốc gia (NIC) để xây dựng trung tâm nghiên cứu - phát triển, tiến tới thiết kế các sản phẩm chip, bán dẫn tại Việt Nam... Bảo đảm tiến độ đầu tư, khánh thành Trung tâm Đối mới sáng tạo quốc gia tại Hà Nội trong tháng 10.

Thu hút nguồn lực tài chính xanh, tín dụng xanh ưu đãi để phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới Hydrogen; xây dựng và phát triển trung tâm tài chính quy mô khu vực và quốc tế tại Việt Nam.

(9) Bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ người lao động, bảo đảm đời sống người dân. Theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, việc làm, có giải pháp hỗ trợ kịp thời, bảo đảm ổn định đời sống cho người lao động; tăng cường kết nối cung - cầu, hỗ trợ người lao động chuyển đổi nghề bền vững; chủ động, sẵn sàng triển khai công tác cứu hộ, cứu nạn, kịp thời hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai,

bão lũ, sạt lở đất, bờ sông, bờ biển, ổn định đời sống.


(10) Tiếp tục chú trọng phát triển toàn diện văn hóa, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế... Khẩn trương hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền Chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới. Triển khai hiệu quả phòng, chống dịch bệnh, nhất là tại khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai; giải quyết triệt để vướng mắc trong mua sắm, đấu thầu thuốc, vật tư y tế.

(11) Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động, sẵn sàng triển khai các giải pháp phòng chống thiên tai, bão lũ, hạn hán, sạt lở..., bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn nước.


(12) Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả. Không để bị động, bất ngờ, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững an ninh, chính trị trên địa bàn cả nước. Đẩy nhanh điều tra, xử lý các vụ án trọng điểm; làm tốt công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tập trung trấn áp các loại tội phạm và xử lý vi phạm pháp luật.

Triển khai chu đáo, thực chất, hiệu quả các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, huy động các nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước, tạo đột phá cho hợp tác kinh tế đối với các lĩnh vực chiến lược; củng cố và nâng cao hơn nữa vị thế, uy tín quốc tế của đất nước.

(13) Tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính sách, củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân vào sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế; sự lãnh đạo, quyết sách của Đảng, Quốc hội, công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, địa phương.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2023. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP và các Phó TTg;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ (bản điện tử);
- Lưu: VT, Vụ TH (3b) 



Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC SỐ I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 06/01/2023 CỦA CHÍNH PHỦ, QUÝ III NĂM 2023

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
I	Nhóm nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh						
1	Dự án Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi	Tháng 5		x			NHNN
2	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền	Tháng 1		x			NHNN
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần tổ chức tín dụng Việt Nam	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện		NHNN
4	Quyết định quy định mức giá trị giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo	Tháng 1		x			NHNN
5	Dự án Luật Hợp tác xã sửa đổi (Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác)	Năm 2023		x			BKHĐT
6	Dự án Luật Đấu thầu sửa đổi	Tháng 5		x			BKHĐT
7	Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng trung du và miền núi phía Bắc	Tháng 6	Tháng 10 ¹⁰⁷		Đang triển khai thực hiện		BKHĐT
8	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ	Tháng 3		x			BKHĐT
9	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên	Tháng 3		x			BKHĐT

¹⁰⁷ Theo văn bản số 6150/VPCP-KTTH ngày 10/8/2023.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
10	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải trung Bộ	Tháng 3		x			BKHĐT
11	Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP của Chính phủ ngày 02/3/2022 về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền	Tháng 1		x			BKHĐT
12	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng Sông Hồng	Tháng 3		x			BKHĐT
13	Quyết định kiện toàn bộ máy, cơ cấu tổ chức của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô và xây dựng kế hoạch hoạt động	Tháng 2		x			BKHĐT
14	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn, bảo đảm quy định chi tiết các nội dung đã được giao tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.	Tháng 3		x			BKHĐT
15	Báo cáo Sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng	Tháng 9		x			BKHĐT
16	Dự án Luật Viễn thông (sửa đổi)	Tháng 1		x			TTTT
17	Đề nghị xây dựng Nghị định quy định về hoạt động thông tin cơ sở và truyền thông cấp huyện	Quý I		x			TTTT
18	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tàn số vô tuyến điện	Tháng 6		x			TTTT
19	Dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)	Tháng 7		x			TTTT
20	Quyết định về sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	Tháng 6		x			TTTT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
21	Luật Đất đai (sửa đổi)	Tháng 3		x			TNMT
22	Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)	Tháng 1		x			TNMT
23	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện		TNMT
24	Dự án Luật Nhà ở (sửa đổi)	Quý I		x			XD
25	Dự án Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)	Quý I		x			XD
26	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia	Quý I		x			CT
27	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng	Tháng 9		x			Bộ XD
28	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2013/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Xây dựng	Tháng 11		x			Bộ XD
29	Quyết định quy định về cấp Giấy chứng nhận Chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Năm 2023		x			KHCN
30	Nghị định quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Tháng 6		x			VHTTDL
31	Dự án Luật Lưu trữ sửa đổi	Tháng 7		x			Bộ NV
32	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022	Tháng 7		x			Bộ NV
33	Nghị định quy định chi tiết việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”	Tháng 7		x			Bộ NV
34	Nghị định về khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung	Tháng 4		x			Bộ NV

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
35	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 (sửa đổi, bổ sung quy định về cấp phó)	Tháng 3			Đang triển khai thực hiện		Bộ NV
36	Nghị định thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 về chính sách tinh giản biên chế	Tháng 7		x			Bộ NV
37	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện		Bộ NV
38	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện		Bộ NV
39	Nghị định thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	Tháng 4		x			Bộ NV
40	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở	Tháng 7		x			Bộ NV
41	Nghị định ban hành Bộ quy tắc đạo đức công vụ	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện		Bộ NV
42	Nghị định quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	Tháng 3		x			Bộ NV
43	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2022-2030	Tháng 2		x			Bộ NV
44	Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện	Tháng 10	Bộ NV
45	Đề án Chiến lược Quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 6		x			Bộ NV

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
46	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện	Tháng 11 ¹⁰⁸	Bộ TC
47	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện	Tháng 12 ¹⁰⁹	Bộ TC
48	Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện	Tháng 12 ¹¹⁰	Bộ TC
49	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện	Tháng 12 ¹¹¹	Bộ TC
50	Nghị định thay thế Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007; Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ về kinh doanh xổ số	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện	Tháng 12 ¹¹²	Bộ TC
51	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện	Tháng 12 ¹¹³	Bộ TC

¹⁰⁸ Bộ Tài chính đang soạn thảo công văn trình Thủ tướng Chính phủ xin phép lùi thời hạn ban hành sang tháng 11/2023.

¹⁰⁹ Bộ Tài chính đang soạn thảo công văn trình Thủ tướng Chính phủ xin phép lùi thời hạn ban hành sang tháng 12/2023.

¹¹⁰ Bộ Tài chính đang soạn thảo công văn trình Thủ tướng Chính phủ xin phép lùi thời hạn ban hành sang tháng 12/2023.

¹¹¹ Bộ Tài chính đang soạn thảo công văn trình Thủ tướng Chính phủ xin phép lùi thời hạn ban hành sang tháng 12/2023.

¹¹² Bộ Tài chính đang soạn thảo công văn trình Thủ tướng Chính phủ xin phép lùi thời hạn ban hành sang tháng 12/2023.

¹¹³ Bộ Tài chính đang soạn thảo công văn trình Thủ tướng Chính phủ xin lùi thời hạn ban hành sang tháng 12/2023 để có thêm thời gian hoàn tất thủ tục hồ sơ.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
52	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không	Tháng 9					Bộ TC ¹¹⁴
53	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện	Tháng 12	Bộ TC
54	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	Tháng 6		x			Bộ TC
55	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản	Tháng 1		x			Bộ TP
56	Đề án ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam	Tháng 6		x			Bộ TP
57	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	Tháng 6		x			Bộ TP
58	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm	Tháng 8	Quý IV/2023 ¹¹⁵				Bộ TP

¹¹⁴ Bộ Tài chính đang có công văn trình Thủ tướng Chính phủ xin rút khỏi Chương trình năm 2023.

¹¹⁵ Ngày 19/6/2023, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 4502/VPCP-PL về việc điều chỉnh thời hạn trình một số nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết số 20/NQ-CP. Trong đó, Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang đã cho phép Bộ Tư pháp lùi thời hạn trình Nghị định sang quý IV/2023.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
	hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh						
59	Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật	Tháng 8		x			Bộ TP
60	Dự án Luật Thủ đô (Dự thảo Luật Thủ đô sửa đổi)	Tháng 7		x			Bộ TP
61	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra	Tháng 5		x			TTCP
62	Nghị định quy định về cơ quan thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành	Tháng 5			Đang triển khai thực hiện		TTCP
II	Nhóm nhiệm vụ về Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế						
1	Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Năm 2023		Theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 25/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định các quy hoạch cơ bản hoàn thành trong năm 2023 ¹¹⁶		BKHĐT
2	Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Năm 2023				BKHĐT
3	Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Năm 2023				BKHĐT
4	Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Năm 2023				BKHĐT
5	Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Năm 2023				BKHĐT
6	Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (Blockchain)	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện		TTTT

¹¹⁶ Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 7604/BKHĐT-QLQH ngày 15/9/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép gia hạn thời hạn trình của các nhiệm vụ này.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
7	Phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên đến năm 2030	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện		TTTT
III	Nhóm nhiệm vụ về phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên						
1	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện	Tháng 9	Bộ TNMT
2	Đề án tổ chức Phiên họp lần thứ 8 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước.	Tháng 5		x			Bộ TNMT
IV	Nhóm nhiệm vụ về chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; phát triển văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội						
1	Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến 2050	Quý III			Đang triển khai thực hiện	Quý IV	GDDT
2	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Quý II			Đang triển khai thực hiện	Quý IV	GDDT
3	Nghị định thay thế Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 và Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Quý II		x			GDDT
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định	Quý II			Đang triển khai thực hiện	Quý IV	GDDT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
	chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học						
5	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện	Tháng 9	UBND
V	Nhóm nhiệm vụ về bảo đảm quốc phòng, an ninh						
1	Dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự	Tháng 1		x			Bộ QP
2	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện		Bộ QP
VI	Nhóm nhiệm vụ về đối ngoại và hội nhập quốc tế						
1	Thực hiện vai trò thành viên UBLCP Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng các biểu đạt văn hóa UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025	Quý I		x			Bộ NG
2	Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ đất nước trong tình hình mới”	Quý II		x			Bộ NG
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 quy định hoạt động thông tin báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	Năm 2023		x			Bộ NG
VII	Nhóm nhiệm vụ về thông tin, truyền thông tạo đồng thuận xã hội						
1	Xây dựng nền tảng Phát thanh số quốc gia	Tháng 6			Đang triển khai thực hiện		Đài TNVN

PHỤ LỤC SỐ II

Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của các bộ, ngành, địa phương những tháng cuối năm 2023

1. Các bộ, cơ quan trung ương

- Tập trung hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu, báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm chất lượng, thời hạn theo quy định; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội trong quá trình tiếp thu, giải trình các ý kiến của đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, kịp thời báo cáo Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đối với các vấn đề phát sinh; chủ động chuẩn bị kỹ các nội dung giải trình, trả lời chất vấn trước Quốc hội.

- Tiếp tục triển khai nhanh, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, các Luật, Nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 5.

- Tiếp tục theo dõi, nắm chắc tình hình, chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp vượt thẩm quyền. Tập trung rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp luật để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm, tạo sinh kế cho người dân, nhất là các vướng mắc pháp lý thuộc thẩm quyền; quyết liệt cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, không ban hành các quy định mới làm phát sinh chi phí, thủ tục, thời gian không cần thiết.

- Các bộ, cơ quan, địa phương chỉ đạo quyết liệt đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; rà soát, kịp thời tháo gỡ vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm an toàn và tiến độ thi công công trình trong mùa thiên tai, mưa lũ cuối năm. Khẩn trương hoàn thành việc lập, tổ chức thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc đề xuất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch, nhất là các quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấp hành nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; tiếp tục rà soát, sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

- Tập trung tổ chức, thực thi một cách quyết liệt, tổng thể và đồng bộ từ tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, đặc biệt là chính sách tài khóa, tiền tệ, thương mại gắn với thời gian, phạm vi cụ thể.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; duy trì cơ chế hàng quý Thành viên Chính phủ làm việc với các địa phương để kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn theo Quyết định số 435/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác xây dựng thể chế và cải cách thủ tục hành chính của Bộ, cơ quan; phát huy hiệu quả các Tổ công tác rà soát, cải cách thủ tục hành chính

của Bộ, cơ quan, bảo đảm thực chất, hiệu quả theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Văn phòng Chính phủ chủ trì đơn đốc quyết liệt các bộ, cơ quan thực hiện cắt giảm thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 644/CT-TTg ngày 13/7/2023, bảo đảm chất lượng, tiến độ, thực chất, đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp và sự phát triển.

- Bộ Tài chính: (1) tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, bảo đảm nguồn lực thực hiện các giải pháp về thuế, phí,... hỗ trợ doanh nghiệp, nền kinh tế; (2) tập trung thực hiện hiệu quả các giải pháp về giảm thuế, phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền ban hành để kích thích tiêu dùng; nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền tiếp tục thực hiện các chính sách giảm thuế, phí, lệ phí trong năm 2024; trong đó, nghiên cứu thực hiện mức thuế suất thuế GTGT như Nghị quyết số 101/2023/QH15 cho 6 tháng đầu năm 2024 nếu tình hình kinh tế và doanh nghiệp vẫn còn khó khăn; (3) đẩy nhanh hoàn thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi tối đa trong các thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu; (4) tính toán mức độ, thời hạn, hình thức, phương thức huy động vốn để kích thích tăng trưởng kinh tế, bảo đảm việc huy động vốn cho NSTW để bù đắp bội chi và trả nợ gốc theo nhu cầu phát sinh thực tế; (6) có giải pháp khả thi để xử lý dứt điểm, hiệu quả vấn đề trái phiếu doanh nghiệp.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: (1) thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, chủ động, kịp thời, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, chính sách vĩ mô khác; chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình để có các giải pháp quyết liệt, kịp thời, hiệu quả hơn nữa tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho doanh nghiệp, người dân, góp phần tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, ưu tiên thúc đẩy phục hồi và tăng trưởng kinh tế; (2) ổn định thị trường ngoại tệ, điều hành tỷ giá phù hợp với tình hình; (3) tiếp tục chỉ đạo các ngân hàng thương mại tiết giảm chi phí, đẩy mạnh chuyển đổi số..., phấn đấu tiếp tục hạ lãi suất cho vay, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; (4) theo dõi chặt chẽ tình hình nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng; tiếp tục thực hiện quyết liệt để thúc đẩy triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất, có giải pháp mạnh mẽ, cụ thể, hiệu quả hơn cho cả chủ đầu tư, người mua nhà ở xã hội thông qua gói tín dụng 120 nghìn tỷ đồng; (5) tăng cường thanh tra, giám sát, quản lý hoạt động của tổ chức tín dụng, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm; (6) khẩn trương báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý các ngân hàng yếu kém theo kết luận của Bộ Chính trị và Ngân hàng SCB.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: (1) Theo dõi sát tình hình thế giới, trong nước, tiếp tục cập nhật kịch bản tăng trưởng để có phản ứng chính sách kịp thời; (2) theo dõi chặt chẽ tình hình doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh, kịp thời tham mưu, kiến nghị giải pháp hỗ trợ; (3) tiếp tục rà soát, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; đặc biệt chú trọng xây dựng chính sách ưu đãi đủ mạnh để thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài có tiềm lực, trình độ khoa học công nghệ; (4) tăng cường xúc tiến, thu hút dự án FDI có quy mô lớn, công nghệ cao, nhất là trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, bán dẫn; phối

hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tập trung giải quyết vướng mắc, nhất là về cơ chế, chính sách ưu đãi, thủ tục pháp lý, mặt bằng... để đẩy nhanh triển khai dự án đầu tư tại Việt Nam, báo cáo cấp có thẩm quyền trong trường hợp cần thiết; (5) theo dõi chặt chẽ tình hình, tham mưu giải pháp tiếp tục đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, 03 CTMTQG; đẩy nhanh tiến độ các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia, nhất là hệ thống đường cao tốc, hạ tầng số, năng lượng...; (6) đôn đốc, tham mưu giải pháp bảo đảm tiến độ công tác quy hoạch, triển khai nhanh, hiệu quả Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch đã ban hành; phát huy hiệu quả các Hội đồng điều phối vùng, thúc đẩy liên kết vùng gắn với tăng cường xúc tiến đầu tư; (7) bảo đảm tiến độ đầu tư để khánh thành Cơ sở hoạt động mới của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) trong tháng 10; (8) đẩy mạnh xúc tiến, thu hút các tập đoàn đa quốc gia phối hợp với Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC) để xây dựng trung tâm nghiên cứu - phát triển, tiến tới thiết kế các sản phẩm chip, bán dẫn tại Việt Nam; (9) tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các đề án về xây dựng và phát triển trung tâm tài chính quy mô khu vực và quốc tế tại Việt Nam.

- Bộ Công Thương: (1) Kịp thời thông tin về thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng nhanh, kịp thời các tiêu chuẩn mới của nước đối tác xuất khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu các nhóm hàng chủ lực; trong tháng 8 và thời gian tới, đẩy nhanh đàm phán, ký kết Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - UAE, các FTA với Brazil, Khối thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR)..., khai thác thị trường ngành thực phẩm Halal, nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu mới, tiềm năng; (2) hỗ trợ doanh nghiệp thông quan hàng hóa qua cửa khẩu Trung Quốc, thực hiện chính ngạch, đặc biệt là các nhóm hàng nông sản; (3) phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu thị trường trong nước, thực trạng, cơ cấu sản xuất, sản phẩm hiện nay, từ đó có thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp khai thác hiệu quả thị trường nội địa; triển khai hiệu quả các chính sách phát triển, khai thác hiệu quả thị trường trong nước, đẩy mạnh cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, kết nối cung cầu trong nước; (4) phối hợp với các cơ quan chức năng nâng cao hiệu quả quản lý thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; (5) phối hợp với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, cơ quan, địa phương đánh giá nhu cầu, khả năng đáp ứng của thị trường để có giải pháp sản xuất, điều tiết hàng hóa phù hợp, bảo đảm nguồn cung phục vụ Tết Nguyên đán 2024; (6) phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương tăng cường quản lý giá và bảo đảm nguồn cung xăng dầu, cung ứng đủ điện cho sản xuất kinh doanh, sinh hoạt; khẩn trương hoàn thiện cơ chế thí điểm mua bán điện trực tiếp, cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà; (7) phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tạo thuận lợi hoá thương mại, thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics, qua đó giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh cho hàng xuất khẩu.

- Các Bộ: Tài chính, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo khẩn trương nghiên cứu, thực hiện lộ trình điều chỉnh giá điện, dịch vụ y tế, giáo dục... theo mức

độ, thời điểm phù hợp, hạn chế tối đa tác động lên lạm phát, sản xuất kinh doanh, đời sống người dân.

- Các Bộ: Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp nhằm thu hút các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, hợp tác hình thành hệ sinh thái chip, bán dẫn, sản xuất linh kiện, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực công nghệ cao; xây dựng Trung tâm bảo dưỡng thiết bị, máy móc máy bay quy mô khu vực. Thu hút nguồn lực tài chính xanh, tín dụng xanh ưu đãi để phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới Hydrogen...

- Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành và địa phương triển khai hiệu quả Đề án: “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”; triển khai quyết liệt hiệu quả Nghị quyết số 33/NQ-CP của Chính phủ; phối hợp với các bộ, cơ quan và địa phương theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường bất động sản, chủ động dự báo, cảnh báo, không chủ quan, lơ là trước các diễn biến, yếu tố rủi ro có thể phát sinh.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương: (1) theo dõi, chỉ đạo ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, hạn hán, sạt lở đất, bờ sông, bờ biển; (2) tập trung đẩy mạnh xuất khẩu, khơi thông thị trường cho hàng hóa nông nghiệp; (3) tăng cường điều tiết, tổ chức sản xuất theo quy hoạch vùng trồng, nâng cao hiệu quả quản lý mã số vùng trồng; (4) theo dõi chính sách các nước, diễn biến thị trường thế giới để thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp, nông dân chủ động chuẩn bị đáp ứng các điều kiện thị trường, tận dụng cơ hội xuất khẩu; (5) tăng cường theo dõi, dự báo tình hình sản xuất nông nghiệp, bảo đảm nguồn cung tiêu dùng trong những tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định pháp lý về đất đai, bất động sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước; hướng dẫn triển khai tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc, thủ tục liên quan đến khai thác mỏ vật liệu xây dựng phục vụ các công trình giao thông trọng điểm; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo kịp thời các hiện tượng thời tiết, thủy văn cực đoan, nguy hiểm, sạt lở đất, bờ sông, bờ biển. Khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định về xác định giá đất, quy định liên quan đến khoáng sản, vật liệu xây dựng, bảo đảm rõ ràng, công khai, minh bạch, thống nhất trong thực hiện.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương chủ động, sẵn sàng triển khai công tác cứu hộ, cứu nạn trong mùa mưa bão, hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai.

- Các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ khẩn trương báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập các sàn giao dịch về bất động sản (bao gồm quyền sử dụng đất), việc làm, khoa học công nghệ.

- Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án giao thông chiến lược, quan trọng quốc gia, dự án có tính liên vùng; phối hợp với các Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan và địa phương bảo đảm cung ứng đủ vật liệu xây dựng cho các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia; phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tập trung rà soát, đầu tư hoàn thiện các tuyến đường gom, nút giao kết nối để phát huy tối đa hiệu quả các tuyến cao tốc đã đưa vào khai thác.

- Các Bộ: Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh nghiên cứu, đánh giá tác động, xác định các chỉ tiêu kỹ thuật để sử dụng cát biển, các vật liệu xây dựng mới cho các dự án hạ tầng giao thông.

- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục tháo gỡ triệt để các vướng mắc, tồn đọng kéo dài nhiều năm, nhất là các ngân hàng yếu kém, dự án, doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả; phát huy cao nhất hiệu quả nguồn lực đầu tư của tập đoàn, tổng công ty nhà nước để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tăng cường công tác quản lý giá dịch vụ du lịch, lưu trú, ăn uống tại các địa bàn trọng điểm du lịch; khẩn trương hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam.

- Bộ Khoa học và Công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục nghiên cứu, tham mưu các giải pháp thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, tăng năng suất lao động xã hội.

- Bộ Y tế phối hợp với các địa phương triển khai hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là tại khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai; giải quyết triệt để vướng mắc trong hoạt động mua sắm, đấu thầu thuốc, vật tư y tế.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, có giải pháp bảo đảm cân đối cung - cầu lao động, đáp ứng yêu cầu của thị trường, doanh nghiệp, người sử dụng lao động và bảo đảm việc làm cho người lao động.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tập trung đẩy mạnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới hoạt động xuất bản sách giáo khoa.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số; bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án 06; phối hợp với các cơ quan truyền thông tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính sách, củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân vào sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế; sự lãnh đạo, quyết sách của Đảng, Quốc hội, công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, địa phương.

- Ủy ban Dân tộc tập trung làm tốt chính sách dân tộc, đẩy mạnh thực hiện CTMTQG về phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bộ Nội vụ: (1) phối hợp chặt chẽ với các địa phương quyết liệt thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 bảo đảm mục tiêu, lộ trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong năm 2023, 2024 để ổn định tổ chức đại hội Đảng các cấp năm 2025; ban hành các văn bản hướng dẫn các nhiệm vụ liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, nhất là việc kiện toàn tổ chức bộ máy và giải quyết dôi dư đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và giải quyết vấn đề trụ sở, tài sản công... tại các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp; (2) hoàn thiện chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; nâng cao đạo đức công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cá thể hoá trách nhiệm đến từng công chức trong thực thi công vụ; cơ cấu, sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tiếp tục thực hiện việc phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết 04/NQ-CP của Chính phủ; phối hợp cơ quan, địa phương đẩy mạnh tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ theo vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; (3) thành lập Tổ công tác thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; (4) chủ trì, phối hợp với các Bộ Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) rà soát, xây dựng các phương án thực hiện cải cách tiền lương, đánh giá kỹ về nguồn lực bố trí thực hiện cải cách tiền lương và tác động của từng phương án (nhất là tác động đối với lạm phát); trên cơ sở đó hoàn thiện nội dung đề xuất, lựa chọn phương án phù hợp để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Trung ương Đảng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Bộ Quốc phòng chủ động làm tốt công tác nghiên cứu chiến lược, nắm, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước có chủ trương, đối sách xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động, bất ngờ, nhất là những vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến độc lập, chủ quyền, biên giới, biển đảo, góp phần ngăn ngừa nguy cơ xung đột, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Tăng cường quản lý biên giới; kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện qua cửa khẩu, lối mở; kịp thời phát hiện, đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là mua bán, vận chuyển ma túy, buôn lậu, mua bán người; giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, cửa khẩu. Chủ động ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn,...

- Bộ Công an đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý các vụ án trọng điểm; làm tốt công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; ngăn chặn, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi tung tin xấu, độc, sai sự thật; tập trung trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Đề án 06/CP về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trọng tâm là triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về

an ninh, trật tự, nhất là quản lý người nước ngoài, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Thực hiện các giải pháp mạnh mẽ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức tổng rà soát, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy chung cư, nhà ở nhiều căn hộ, cơ sở kinh doanh dịch vụ cho thuê trọ có mật độ người ở cao, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh có nguy cơ cháy, nổ cao, hoàn thành trước ngày 15/11/2023.

- Bộ Ngoại giao triển khai toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế và ngoại giao kinh tế, huy động các nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước, tạo đột phá cho hợp tác kinh tế đối với các lĩnh vực chiến lược; củng cố và nâng cao hơn nữa vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; theo dõi chặt chẽ các vấn đề liên quan đến chủ quyền và an ninh quốc gia, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; tiếp tục triển khai hiệu quả công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại.

- Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan tiếp tục rà soát, tháo gỡ các hạn chế, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật theo thẩm quyền, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với các vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Các địa phương

- Thành lập, tổ chức hoạt động hiệu quả Tổ công tác đặc biệt để tháo gỡ ngay khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh, xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của người đứng đầu.

- Tập trung xử lý theo thẩm quyền, chủ động nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát giá cả, thị trường, phòng chống gian lận thương mại; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân; chủ động phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai.

- Thực hiện luân chuyển cán bộ sợ sai, sợ trách nhiệm trong thực thi công vụ; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì công việc chung.

- Các địa phương quyết liệt thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm mục tiêu, lộ trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong năm 2023, 2024 để ổn định tổ chức đại hội Đảng các cấp năm 2025.

- Tập trung tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh việc cấp phép khai thác các mỏ vật liệu xây dựng (đất, cát, đá...), điều tra, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình nâng giá, ép giá, đầu cơ, bảo đảm đủ vật liệu phục vụ các dự án giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia.